

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1.Sự cần thiết trong công tác lập Kế hoạch sử dụng đất	1
2.Mục đích, yêu cầu lập Kế hoạch sử dụng đất	2
2.1. Mục đích	2
2.2. Yêu cầu	2
3.Căn cứ pháp lý	3
4.Nội dung lập kế hoạch sử dụng đất	7
5.Tổ chức thực hiện và sản phẩm giao nộp.....	9
5.1. Tổ chức thực hiện.....	9
5.2. Sản phẩm giao nộp	9
I. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI, HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG VÀ NGUỒN LỰC TÁC ĐỘNG ĐẾN SỬ DỤNG ĐẤT.....	10
1. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường năm 2024	10
1.1. Điều kiện tự nhiên	10
1.2. Tài nguyên và môi trường.....	11
2. Kinh tế - xã hội năm 2024.....	13
2.1. Kinh tế.....	13
2.2. Xã hội	15
II. PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT, KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024	18
2.1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2024	18
2.2. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024.....	22
2.2.1.Kết quả thực hiện công trình dự án	22
2.2.2 .Kết quả thực hiện chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân	28
2.3. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất	29
2.4. Kết quả thực hiện thu hồi đất của Kế hoạch sử dụng đất năm 2024.....	47
2.5. Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024.....	47
2.6. Kết quả thực hiện, nhiệm vụ và giải pháp.....	47
2.7. Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất.....	48
2.8. Đánh giá mặt được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục.....	49
III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	52
3.1. Nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực	52

3.2. Nhu cầu sử dụng của hộ gia đình cá nhân.....	55
3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất.....	55
3.4. Diện tích đất cần thu hồi	74
3.5. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích.....	76
3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng	77
3.7 Diện tích các khu vực lấn biển đưa vào sử dụng theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của Thành phố Rạch Giá.....	78
3.8. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch	80
3.9. Dự kiến các khoản thu chi liên quan đến đất đai trong Kế hoạch sử dụng đất.....	80
IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	82
4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.....	82
4.2 Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất	83
4.3 Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất ...	84
4.3.1 Giải pháp về tuyên truyền	84
4.3.2 Giải pháp về chính sách	84
4.3.3 Các biện pháp, giải pháp tổ chức thực hiện	85
4.4 Các giải pháp khác	88
4.4.1 Các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.....	88
4.4.2 Giải pháp về khoa học công nghệ và kỹ thuật	90
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	91
1. Kết luận	91
2. Kiến nghị	91

DANH SÁCH BẢNG BIỂU

<i>Bảng 1: Danh mục chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ và cấp huyện xác định</i>	<i>7</i>
<i>Bảng 2: Danh mục công trình, dự án thực hiện xong.....</i>	<i>22</i>
<i>Bảng 3: Danh mục công trình, dự án thực hiện xong một phần.....</i>	<i>23</i>
<i>Bảng 4: Danh mục công trình, dự án hủy.....</i>	<i>24</i>
<i>Bảng 5: Kết quả chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân trong KHSDĐ năm 2024</i>	<i>29</i>
<i>Bảng 6: Chỉ tiêu kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024</i>	<i>30</i>
<i>Bảng 7: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024</i>	<i>34</i>
<i>Bảng 10: Tổng hợp danh mục công trình thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025</i>	<i>52</i>
<i>Bảng 11: Công trình dự án đăng ký mới trong năm 2025</i>	<i>53</i>
<i>Bảng 12: Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2025 của thành phố Rạch Giá</i>	<i>56</i>
<i>Bảng 13: Kế hoạch sử dụng đất 2025 so với hiện trạng 2024.....</i>	<i>61</i>
<i>Bảng 14: Diện tích đất cần thu hồi</i>	<i>74</i>
<i>Bảng 15: Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích</i>	<i>76</i>
<i>Bảng 16: Diện tích ckhv vực lấn biển đưa vào sử dụng theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của Thành phố Rạch Giá.....</i>	<i>78</i>
<i>Bảng 17: Ước tính thu - chi từ đất theo kế hoạch.....</i>	<i>80</i>

CÁC CHỮ VIẾT TẮT

1. BTNMT: Bộ Tài nguyên và Môi trường
2. BQLDA: Ban quản lý dự án
3. CCQLĐĐ: Chi cục Quản lý Đất đai
4. CMĐ: Chuyển mục đích
5. CTUBND: Chủ tịch Ủy ban nhân dân
6. ĐBSCL: Đồng bằng sông Cửu Long
7. GDP: Tổng sản phẩm quốc nội
8. HĐND: Hội đồng nhân dân
9. KDC: Khu dân cư
10. QL: Quốc lộ
11. QCVN: Quy chuẩn Việt Nam
12. SGTVT: Sở Giao thông vận tải
13. STNMT: Sở Tài nguyên và Môi trường
14. SNNMT: Sở Nông nghiệp và Môi trường
15. TCQLĐĐ: Tổng cục Quản lý Đất đai
16. TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
17. THCS: Trung học cơ sở
18. THPT: Trung học phổ thông
19. TH: Tiểu học
20. UBND: Ủy ban nhân dân

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Sự cần thiết trong công tác lập Kế hoạch sử dụng đất

Đất đai là nguồn tài nguyên vô cùng quý giá của quốc gia, là cơ sở không gian của mọi quá trình sản xuất, là tư liệu sản xuất đặc biệt không có gì thay thế được, là thành phần quan trọng nhất của môi trường sống và là địa bàn phân bố các khu dân cư, xây dựng các công trình kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng...

Để sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên đất, bảo vệ cảnh quan và môi trường sinh thái, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất giữ vai trò rất quan trọng. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất qua thời gian thực hiện, đã giải quyết được cơ bản các chỉ tiêu đặt ra trong phương án quy hoạch sử dụng đất, đáp ứng cho chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các cấp, các lĩnh vực, cũng như nhu cầu về đất ở cho nhân dân. Luật Đất đai năm 2024 quy định việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một trong 18 nội dung quản lý Nhà nước về đất đai.

Nội dung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cụ thể hóa Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Nghị định số 102/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính Phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Thông tư 08/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất và Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Thực hiện theo Công văn số 197/UBND-KT ngày 23 tháng 01 năm 2024 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc triển khai lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 cấp huyện; Công Văn số 1910/STNMT-ĐĐ ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc triển khai lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 cấp huyện theo pháp luật về đất đai năm 2024.

Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá đã chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở, ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện dự án “Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Rạch Giá”, nhằm đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt tại Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 và xây dựng Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 để phân bổ, bố trí quỹ đất hợp lý, đúng mục đích đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong năm 2025.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Rạch Giá là cơ sở pháp lý quan trọng để tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng đất triển khai thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất theo kế hoạch đã được phê duyệt cũng như thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử

dụng đất và đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố Rạch Giá theo đúng quy định pháp luật.

2. Mục đích, yêu cầu lập Kế hoạch sử dụng đất

2.1. Mục đích

- Đề xuất với UBND tỉnh việc phân bổ lại quỹ đất đai phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và thành phố.
- Đề xuất với UBND tỉnh, các ngành có điều chỉnh, bổ sung nhu cầu sử dụng đất phát sinh ngoài quy hoạch, đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, thành phố.
- Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố phải đảm bảo quy trình, quy phạm về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Cụ thể hóa nhu cầu sử dụng đất trong năm kế hoạch 2025 tất cả các dự án, công trình thực hiện trên địa bàn thành phố của các ngành Trung ương, tỉnh, thành phố và các xã, phường.
- Góp phần quản lý chặt chẽ tài nguyên đất đai theo quy hoạch, kế hoạch và pháp luật; đảm bảo sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, đảm bảo phát triển bền vững.
- Tạo căn cứ pháp lý để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất,... trong năm 2025 cho các đối tượng sử dụng đất trên địa bàn thành phố Rạch Giá.

2.2. Yêu cầu

- Điều tra, tổng hợp, cập nhật đầy đủ các công trình, dự án của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu sử dụng đất năm 2025 trên địa bàn thành phố.
- Xác định vị trí, ranh giới, diện tích các khu vực dự kiến chuyển mục đích sử dụng đất; khu vực dự kiến nhà nước thu hồi đất trên bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố.
- Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố.
- Xác định nhu cầu sử dụng đất của các cấp, các ngành trong năm 2025 để đưa ra phương án kế hoạch mang tính khả thi cao nhất.
- Phân bổ diện tích các loại đất cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trong kế hoạch sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính.
- Tạo cơ sở cho việc thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt.
- Làm cơ sở để UBND thành phố cân đối giữa các khoản thu ngân sách từ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; các loại thuế, phí liên quan đến đất đai và các khoản chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến từng đơn vị hành chính trong năm.

3. Căn cứ pháp lý

Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH 15, Luật Kinh doanh Bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức Tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

Nghị quyết số 1247/NQ-UBTVQH15 ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2023-2025;

Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai;

Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ

Quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 195/QĐ-TTg ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận thành phố Rạch Giá là đô thị loại I, trực thuộc tỉnh Kiên Giang;

Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc thông qua Danh mục dự án phải điều chỉnh, hủy bỏ trong năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc thông qua Danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất; Danh mục dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất theo quy hoạch thực hiện trong năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc thông qua Danh mục dự án phải điều chỉnh, hủy bỏ trong năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Quy định bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh Kiên Giang sửa đổi, bổ sung Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Quy định bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thành phố Rạch Giá;

Quyết định số 1024/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt đề án Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang;

Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Rạch Giá;

Quyết định số 2205/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Rạch Giá;

Công văn số 197/UBND-KT ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc triển khai công tác lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 cấp huyện;

Công văn số 1910/STNMT-ĐĐ ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc triển khai lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 cấp huyện theo pháp luật về đất đai năm 2024;

*** Tài liệu liên quan:**

Nghị quyết số 535/NQ-HĐND ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về Nhiệm vụ phát triển Kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang 5 năm giai đoạn 2021-2025;

Nghị quyết 135/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang v/v Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Nghị quyết 177/NQ-HĐND ngày 8 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về Danh mục dự án phải điều chỉnh, hủy bỏ trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Nghị quyết số 183/2023/NQ-HĐND ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về Danh mục dự án phải điều chỉnh, hủy bỏ trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Nghị quyết số 186/NQ-HĐND ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về Danh mục dự án cần thu hồi đất thực hiện trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Nghị quyết 04/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang v/v Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Nghị quyết 25/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về bổ sung Danh mục dự án cần thu hồi đất thực hiện trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Báo cáo 269/BC-SKHĐT ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Sở Kế hoạch Đầu tư về dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và báo cáo đề xuất các dự án trọng điểm;

- Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Rạch Giá về kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách tỉnh giao thành phố quản lý;

- Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Rạch Giá về kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn thu sử dụng đất trên địa bàn thành phố Rạch Giá;

- Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 13 tháng 06 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Rạch Giá về việc điều chỉnh (lần I) kế hoạch đầu tư công năm 2024 bằng nguồn thu sử dụng đất trên địa bàn thành phố;

- Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 18 tháng 07 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Rạch Giá về nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội 6 tháng cuối năm 2024;

- Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 18 tháng 07 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Rạch Giá về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách tỉnh giao thành phố quản lý;

- Báo cáo số 566/BC-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá về kiểm điểm công tác chỉ đạo, điều hành của UBND thành phố năm 2024;

- Công văn số 700/UBND-TNMT ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá về việc đăng ký nhu cầu thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2025 của thành phố Rạch Giá.

- Công văn số 241/TNMT-CV ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường v/v phối hợp thực hiện công tác lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Kết quả thống kê đất đai năm 2023 của thành phố Rạch Giá;

- Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch 2025 của thành phố;

- Nhu cầu sử dụng đất của Hộ gia đình, cá nhân trong năm kế hoạch 2025 trên địa bàn thành phố Rạch Giá

4. Nội dung lập kế hoạch sử dụng đất

Nội dung kế hoạch sử dụng đất được lập theo hướng dẫn tại mục 2, Chương V của Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (từ Điều 45 đến Điều 52), bao gồm các nội dung sau:

- Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu;
- Phân tích, đánh giá bổ sung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và nguồn lực tác động đến sử dụng đất cấp huyện;
- Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước;
- Xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện;
- Xây dựng báo cáo kế hoạch sử dụng đất;
- Kỹ thuật lập Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đối với trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 66 Luật đất đai;
- Kỹ thuật lập Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 253 Luật đất đai;
- Kỹ thuật lập Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đối với trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 60 Luật đất đai;

Chỉ tiêu sử dụng đất, mã ký hiệu, loại đất được phân bổ, được xác định, được xác định bổ sung trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện như sau:

Bảng 1: Danh mục chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ và cấp huyện xác định

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu quốc gia	Chỉ tiêu cấp tỉnh, cấp huyện
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	x	x
	Trong đó:			
1.1	Đất trồng lúa	LUA	x	x
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	0	x
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	0	x
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	0	x
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	0	x
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	x	x
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	x	x
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	0	x
	Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	x	x
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0	x
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	0	x
1.9	Đất làm muối	LMU	0	x
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	0	x
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	x	x
	Trong đó:			
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	0	x
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	0	x
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0	x
2.4	Đất quốc phòng	CQP	x	0
2.5	Đất an ninh	CAN	x	0
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	0	x
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0	x
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	0	x

Báo cáo thuyết minh kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Rạch Giá

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu quốc gia	Chỉ tiêu cấp tỉnh, cấp huyện
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0	x
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	0	x
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	0	x
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	0	x
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	0	x
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	0	x
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	0	x
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	0	x
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	0	x
2.7.1	Đất khu công nghiệp, đất cụm công nghiệp	SCC	0	x
2.7.1.1	Đất khu công nghiệp	SKK	0	x
2.7.1.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	0	x
2.7.1.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	0	x
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0	x
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0	x
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0	x
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	0	x
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	0	x
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	0	x
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	0	x
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	0	x
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	0	x
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	0	x
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	0	x
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0	x
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	0	x
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	0	x
2.9	Đất tôn giáo	TON	0	x
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	0	x
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	0	x
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	0	x
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	0	x
2.12.3	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	0	x
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0	x
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	0	x
	Trong đó:		0	x
3.1	Đất băng chưa sử dụng	BCS	0	x
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	0	x
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS	0	x
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS	0	x

Trong đó: x: Được phân bổ, được xác định, được xác định bổ sung;

0: Không được phân bổ, không được xác định, không được xác định bổ sung;

**: Không tổng hợp khi tính toán diện tích tự nhiên.*

5. Tổ chức thực hiện và sản phẩm giao nộp

5.1. Tổ chức thực hiện

- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh Kiên Giang.
- Cơ quan thẩm định: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan chủ quản đầu tư: UBND thành phố Rạch Giá.
- Cơ quan chủ đầu tư: Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố.
- Cơ quan phối hợp: Các phòng, ban và UBND cấp xã.
- Thời gian thực hiện: Trong năm 2024.

5.2. Sản phẩm giao nộp

- Đảm bảo hồ sơ theo điểm d, khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 bao gồm:
 - + Tờ trình của UBND thành phố Rạch Giá.
 - + Báo cáo thuyết minh về Kế hoạch sử dụng đất.
 - + Hệ thống bảng biểu, sơ đồ, bản đồ và dữ liệu kèm theo (dạng giấy hoặc dạng số).
 - + Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Rạch Giá.

I. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI, HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG VÀ NGUỒN LỰC TÁC ĐỘNG ĐẾN SỬ DỤNG ĐẤT

1. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường năm 2024

1.1. Điều kiện tự nhiên

❖ Vị trí địa lý:

Ngày 29-11-2024, UBND TP. Rạch Giá tổ chức lễ công bố Nghị quyết số 1247/NQ-UBTVQH15, ngày 24-10-2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2023-2025. Theo Nghị quyết số 1247/NQ-UBTVQH15 có hiệu lực thi hành từ ngày 1-12-2024, nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 1,18km² và quy mô dân số là 15.990 người của phường Vĩnh Bảo vào phường Vĩnh Thanh Vân. Sau khi sáp nhập, phường Vĩnh Thanh Vân có diện tích tự nhiên 1,99km² và dân số 27.429 người. TP. Rạch Giá có 11 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 10 phường và 1 xã. Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của thành phố Rạch Giá cụ thể như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)
	Tổng	10.466,18
1	Phường An Bình	476,13
2	Phường An Hòa	658,97
3	Phường Rạch Sỏi	345,04
4	Phường Vĩnh Lợi	356,24
5	Phường Vĩnh Lạc	286,39
6	Phường Vĩnh Hiệp	1.060,84
7	Phường Vĩnh Thanh Vân	198,76
8	Phường Vĩnh Thanh	152,72
9	Phường Vĩnh Quang	1.038,26
10	Phường Vĩnh Thông	1.406,23
11	Xã Phi Thông	4.486,62

❖ Khí hậu

UBND Thành phố Rạch Giá tăng cường chỉ đạo, thông tin kịp thời diễn biến thời tiết, tình hình mưa, bão trên địa bàn; chủ động triển khai có hiệu quả các biện pháp ứng phó thiên tai. Phối hợp với Chi cục Thủy lợi thường xuyên theo dõi về tình hình xâm nhập mặn và vận hành đóng mở các cống trên địa bàn để kịp thời thông báo cho người dân chủ động trong việc lấy nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất.

❖ **Tài nguyên nước**

- **Nguồn nước mặt:** UBND thành phố Rạch Giá có 4 điểm quan trắc nước mặt thuộc địa:

- + Điểm thứ nhất: Đầu kênh Cái Sắn - Chợ Rạch Sỏi.
- + Điểm thứ hai: Đầu Voi - kênh Rạch Giá đi Long Xuyên.
- + Điểm thứ ba: Kênh Rạch Giá đi Long Xuyên.
- + Điểm thứ tư: Cầu số 1, Tp. Rạch Giá.

Việc quan trắc chất lượng nguồn nước mặt để nguồn nước mặt không bị ảnh hưởng bởi tác động tổng hợp của các yếu tố: lũ và thủy triều, được thể hiện qua các chỉ tiêu đánh giá mức độ phèn và mặn. Từ đó, đảm bảo nguồn nước ngọt cho UBND thành phố Rạch Giá sử dụng.

❖ **Nguồn nước ngầm**

Quan trắc UBND thành phố Rạch Giá có 4 điểm:

- + Điểm thứ nhất: Khu phố Dãy Ốc, phường Vĩnh Hiệp, Tp. Rạch Giá.
- + Điểm thứ hai và thứ ba: Khu phố Phi Kinh, phường Vĩnh Hiệp, Tp. Rạch Giá.
- + Điểm thứ tư: Khu phố 6, phường An Bình, Tp. Rạch Giá. Nhằm mục khảo sát và giám sát mức độ nhiễm bẩn của môi trường trong nước dưới đất do ảnh hưởng của hoạt động khai thác, sử dụng và nguồn nước thải từ các hoạt động phát triển kinh tế xã hội và dân sinh.

1.2. Tài nguyên và môi trường

1.2.1. Tài nguyên

❖ **Tài nguyên biển**

- Trên địa bàn Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang ban hành Quy định về quản lý hoạt động khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Tổng số tàu thuyền trên địa bàn thành phố 1.548 tàu (giảm 77 tàu so với năm 2023), với 16.114 lao động làm việc thường xuyên

- Công tác chống khai thác IUU: kịp thời tiếp thu, quán triệt và ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành công tác chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định trên địa bàn thành phố. Từ đầu năm đến nay trên địa bàn thành phố trên địa bàn thành phố có 10 tàu/08 chủ tàu khai thác hải sản trái phép vùng biển nước ngoài (trong đó 04 tàu/03 chủ tàu đã có quyết định xử phạt vi phạm hành chính; còn 06 tàu/05 chủ tàu đang điều tra, xác minh, củng cố hồ sơ xử lý); đã tổ chức kiểm điểm trách nhiệm người đứng đầu địa phương về việc tiếp tục để xảy ra tình trạng tàu cá của địa phương vi phạm vùng biển nước ngoài

- Tổ chức 02 đợt ra quân thực hiện cao điểm kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn thành phố, ban hành 06 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 167,5 triệu đồng. Triển khai thực hiện Kế hoạch số 195/KH-UBND ngày 11/7/2024 của UBND thành phố Rạch Giá về đăng ký, đăng kiểm đối với tàu 03 không. Đồng thời rà soát, bổ sung 124 tàu 03 không phát sinh ngoài Kế hoạch số 216/KH-UBND của UBND tỉnh. Phối hợp Trung tâm Đăng kiểm tàu cá rà soát xác minh 261 tàu cá hết hạn đăng kiểm và lập biên bản xác minh làm rõ hiện trạng tàu cá.

- Tiếp nhận 268 thông báo/643 lượt tàu mất kết nối TBGSHT từ Trung tâm Đăng kiểm tàu cá; qua đó đã làm việc, xác minh 595/643 lượt tàu mất kết nối TBGSHT. Tiếp tục theo dõi, đôn đốc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ cước thuê bao dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình tàu cá theo Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 05/8/2022 của HĐND tỉnh Kiên Giang. Tiếp tục đôn đốc, nhắc nhở chủ tàu cá, cá nhân chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND tỉnh đối với 21 trường hợp vi phạm trong lĩnh vực thủy sản; đến nay đã thu phạt 1.340,35 triệu đồng/12.678,75 triệu đồng (06/21 trường hợp thực hiện nộp phạt, trong đó 04/21 trường hợp đã hoàn thành việc nộp phạt).

- Phối hợp với Báo Pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức Chương trình "Cùng ngư dân thấp sáng đèn trên biển" và trao tặng 20 phần quà cho hộ ngư dân có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố. Phối hợp với Ban Tuyên giáo Thành ủy, Vùng Cảnh sát Biển 4, Cục Kiểm ngư Việt Nam, Đảng ủy Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Kiên Giang tổ chức tuyên truyền phòng chống khai thác IUU tổ chức 04 cuộc cho 585 lượt cán bộ, ngư dân tham dự. Tổ chức Hội nghị tuyên truyền trực tiếp nội dung Nghị định số 38/2024/NĐ-CP ngày 05/4/2024 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Nghị quyết số 04 của Hội đồng thẩm phán Tòa án Nhân dân tối cao được 06 cuộc 284 lượt chủ tàu dự; tuyên truyền trên sóng FM và hệ thống loa truyền không dây với 144 lượt tin, bài viết, bài viết thu thanh, phóng sự thu thanh,....

1.2.2. Môi trường

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 233/KH-UBND ngày 09/8/2024 của UBND thành phố về thực hiện chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn thành phố; Kế hoạch số 286/KH-UBND ngày 30/10/2024 của UBND thành phố thực hiện thí điểm mô hình điểm tập kết, trạm trung chuyển, phân loại và xử lý rác thải rắn công kênh. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh; tổ chức thẩm định, cấp giấy phép môi trường cho các dự án/cơ sở theo quy định. Tiếp tục phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng “Đề án triển khai thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố”; Kế hoạch phối hợp số 33/KH-STNMT-UBND ngày 25/4/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang và UBND thành phố Rạch Giá về việc tổ

chức thí điểm thu gom pin thải trên địa bàn thành phố. Tổ chức Ngày Hội Môi trường năm 2024 hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới năm 2024, với hơn 1.000 lượt đại biểu tham dự.

Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát và phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm; thực hiện thu gom, xử lý gia súc, gia cầm và động vật thả rông trên địa bàn; tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 130/KH-UBND ngày 19/5/2023 của UBND thành phố về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 05/8/2022 của HĐND tỉnh quy định khu vực không được phép chăn nuôi, chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi và vùng nuôi chim yến.

2. Kinh tế - xã hội năm 2024

2.1. Kinh tế

- **Các ngành dịch vụ:** Quan tâm chỉ đạo tháo gỡ khó khăn nhằm hỗ trợ, khuyến khích, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh. Tổ chức tổng kết thực hiện Kế hoạch số 126/KH-UBND ngày 31/8/2021 của UBND thành phố về việc tăng cường quản lý khai thác các chợ giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030; thực hiện cải tạo, sửa chữa Chợ Nhà lồng, xây dựng mới khu chợ tự sản tự tiêu tạm thời tại Trung tâm thương mại Rạch Giá; xây dựng Công viên hành lang Chợ Rạch Sỏi từng bước chỉnh trang, cải tạo cảnh quan môi trường mua bán khu vực chợ Rạch Sỏi; hoàn chỉnh hồ sơ chuẩn bị đầu tư xây dựng chợ Tắc Ráng (phường An Hòa); chỉ đạo cải tạo, sửa chữa, sắp xếp ngành hàng kinh doanh tại Chợ Rạch Sỏi, Trung tâm Thương mại Rạch Sỏi, chợ Vĩnh Bảo, chợ Vĩnh Thanh II. Triển khai các biện pháp đảm bảo cân đối cung cầu hàng hoá, bình ổn thị trường; tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 61.815 tỷ đồng (giá hiện hành) đạt 100,51% kế hoạch, tăng 13,39% so cùng kỳ.

- **Công nghiệp, xây dựng:** Duy trì ổn định và tăng trưởng khá đối với một số ngành nghề như sản xuất vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, sản xuất lương thực, chế biến thực phẩm,... Phối hợp với Tỉnh tổ chức điều tra thống kê “Khảo sát thông tin về tình hình hoạt động của các doanh nghiệp, cơ sở công nghiệp trên địa bàn tỉnh Kiên Giang”. Giá trị sản xuất ngành công nghiệp 8.586 tỷ đồng, đạt 105,75% kế hoạch, tăng 11,02% so cùng kỳ; Giá trị sản xuất ngành xây dựng 10.152 tỷ đồng, đạt 119,69% kế hoạch, tăng 7,15% so cùng kỳ. Tập trung chỉ đạo thực hiện huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội, tổng vốn đầu tư huy động trên địa bàn là 15.340 tỷ đồng, đạt 109,57% kế hoạch, tăng 10,22 so cùng kỳ. Chỉ đạo triển khai thực hiện tốt kế hoạch đầu tư công năm 2024; phối hợp với các ngành có liên quan tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về công tác giải phóng mặt bằng, đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình, nhất là các công trình trọng điểm địa bàn.

- Công tác quản lý nhà nước về đô thị, tài nguyên và môi trường:

Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện tốt công tác quy hoạch, quản lý trật tự đô thị, nhất là triển khai thực hiện Kế hoạch số 177/KH-UBND ngày 17/9/2024 của UBND thành phố Rạch Giá về thực hiện Nghị quyết số 32-NQ/TU ngày 07/6/2024 của Thành ủy Rạch Giá về tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý trật tự đô thị, vệ sinh môi trường, kiên quyết xử lý nghiêm việc lấn chiếm vỉa hè, lòng đường, từng bước lập lại hành lang đảm bảo trật tự đô thị, an toàn đường bộ. Tiếp tục chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt Quy chế Quản lý Kiến trúc Quy hoạch đô thị, Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang theo Quyết định số 2623/QĐ-UBND ngày 13/11/2019 của UBND tỉnh. Tập trung chỉ đạo rà soát, đẩy nhanh tiến độ lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đảm bảo phù hợp với quy hoạch chung”. Tích cực phối hợp với Sở, ngành cấp tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan hoàn thành Đề án đề nghị công nhận thành phố Rạch Giá là đô thị loại I thuộc tỉnh Kiên Giang và Chương trình phát triển đô thị thành phố Rạch Giá đến năm 2040. Quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt công tác chỉnh trang đô thị, trang trí đường phố phục vụ các dịp Lễ, Tết trên địa bàn; công tác thu gom, vận chuyển rác, nạo vét hồ ga hệ thống thoát nước, quản lý chăm sóc cây xanh, duy tu, sửa chữa hệ thống chiếu sáng công cộng.. được tập trung chỉ đạo.

Tổ chức công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Rạch Giá; triển khai công tác lập điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến 2030 và tiếp tục hoàn chỉnh và trình phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất thành phố Rạch Giá năm 2025. Triển khai thực hiện Kế hoạch số 269/KH-UBND ngày 25/9/2024 của UBND thành phố thực hiện Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 08/8/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc tăng cường quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn tỉnh Kiên Giang theo Luật Đất đai năm 2024; Kế hoạch số 285/KH-UBND ngày 22/10/2024 của UBND thành phố thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TU, ngày 03/10/2024 của Ban Thường vụ Thành ủy về tăng cường trách nhiệm lãnh đạo, quản lý, sử dụng đất công trên địa bàn thành phố. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai, kịp thời kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm; tổ chức cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất đối với 14 trường hợp.

- **Nông nghiệp - thủy sản:** tiếp tục chỉ đạo tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao chuỗi giá trị và phát triển bền vững; đẩy mạnh chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, triển khai nhân rộng các mô hình khuyến nông có hiệu quả; chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa. Triển khai thực hiện Kế hoạch số 220/KH-UBND ngày 07/8/2024 của UBND thành phố về việc thực hiện Chương trình hành động số 33-CTr/TU ngày 08/11/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tiếp tục củng cố, kiện toàn các hợp tác xã, tổ hợp tác nâng lên chất lượng hoạt động và triển khai nhiều chương trình, dự án trong phát triển sản xuất, nhất là Đề án "Phát triển bền vững một triệu hecta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030". Tổ chức đánh giá, phân hạng, trao Giấy chứng nhận của

UBND thành phố công nhận đối với 14 sản phẩm OCOP và tham gia trưng bày sản phẩm OCOP thành phố Rạch Giá tại Diễn đàn kết nối sản phẩm OCOP vùng đồng bằng sông Cửu Long năm 2024. Chỉ đạo thường xuyên cập nhật và theo dõi dịch bệnh để có biện pháp phòng ngừa, bảo vệ sản xuất. Kết thúc năm lượng thực 2024, sản lượng lúa thu hoạch 77.503 tấn; sản lượng rau màu đạt 8.011 tấn.

- **Công tác quản lý Tài chính – Ngân sách:** Thực hiện các giải pháp quản lý, khai thác nguồn thu, đôn đốc thu để tăng thu ngân sách nhà nước; kiểm soát chặt chẽ các khoản chi, kiên quyết cắt giảm những khoản chi chưa thật sự cần thiết. Tổng thu ngân sách toàn thành phố 1.036,47 tỷ đồng (trong đó thu tiền sử dụng đất 325 tỷ đồng), đạt 103,74% kế hoạch, tăng 35,31% so cùng kỳ; Tổng chi ngân sách toàn thành phố 1.712,16 tỷ đồng, đạt 100,28% kế hoạch, tăng 5,21% so cùng kỳ.

2.2. Xã hội

- Công tác Giáo dục và đào tạo: Tập trung chỉ đạo thực hiện đạt các chỉ tiêu về công tác giáo dục năm học 2023-2024% và công tác huy động học sinh đến trường năm học 2024-2025. Quan tâm đầu tư xây dựng mới phòng học, hàng rào, sân nền, mua trang thiết bị và sửa chữa phòng học phục vụ năm học mới. Chỉ đạo tổ chức tổng kết thực hiện Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 28/9/2021 của UBND thành phố về nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo giai đoạn 2021-2025.

- Công tác đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân: các chế độ, chính sách, các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa đối với gia đình chính sách, người có công; các chính sách trợ giúp đối tượng bảo trợ xã hội, người nghèo và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn... được thực hiện có hiệu quả, đảm bảo quy trình, đúng đối tượng, chế độ và có hiệu quả, nhất là trong dịp Tết Nguyên đán. Chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch giảm nghèo. Quan tâm giới thiệu, giải quyết việc làm cho người lao động. Hoàn thành xây dựng, sửa chữa Nhà tình nghĩa cho đối tượng chính sách trên địa bàn thành phố năm 2024 (11/08 căn). Tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện các Dự án, Tiểu dự án theo kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn thành phố; tổ chức tổng kết Đề án nâng cao công tác giảm nghèo trên địa bàn thành phố Rạch Giá, giai đoạn 2021 – 2025.

- Các chương trình về y tế được thực hiện khá tốt, trong năm đã thực hiện khám, chữa bệnh cho 371.556 lượt người, cơ sở vật chất, trang thiết bị được tăng cường, đã đầu tư cải tạo, nâng cấp sửa chữa. Quan tâm chỉ đạo tăng cường triển khai các biện pháp phòng chống các loại dịch bệnh. Tăng cường kiểm tra lĩnh vực hành nghề y dược, mỹ phẩm và các dịch vụ y tế, an toàn vệ sinh thực phẩm trên địa bàn thành phố.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các nhiệm vụ chính trị của địa phương, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh chuyên đề năm 2024; gắn với phối hợp và tổ chức tốt các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao chào mừng các sự kiện, các ngày Lễ lớn trong năm, đã

đáp ứng cơ bản nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân và thu hút nhiều lượt khách tham gia. Tổ chức thực hiện tốt Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2024.

- Quan tâm thực hiện tốt các chính sách về dân tộc, tôn giáo. Từ đó, đời sống về vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng được nâng lên; các chức sắc, tín đồ tôn giáo yên tâm hành đạo và tích cực tham gia các hoạt động từ thiện xã hội ở địa phương. Chỉ đạo triển khai thực hiện và xây dựng kế hoạch thực hiện các Dự án, Tiểu dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố năm 2024. Tổ chức thành công Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số thành phố Rạch Giá lần thứ IV - năm 2024.

- Xây dựng nông thôn mới: triển khai thực hiện Kế hoạch số 158-KH/TU ngày 15/5/2024 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 06/02/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tập trung hoàn thành các chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 169/KH-UBND ngày 03/8/2023 của UBND thành phố thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới xã Phi Thông đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; đến nay, đã thực hiện đạt 16/19 tiêu chí; đang chỉ đạo thực hiện quyết liệt 03 tiêu chí chưa đạt gồm: tiêu chí 14 (Y tế), tiêu chí 17 (Môi trường), tiêu chí 18 (Chất lượng môi trường).

(Nguồn: Báo cáo số 566/BC-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá kiểm điểm công tác chỉ đạo, điều hành của UBND thành phố năm 2024)

3. Phân tích đánh giá bổ sung các nguồn lực của thành phố và tính tác động đến việc sử dụng đất tại thời điểm lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện

Nguồn lực của thành phố:

Thành phố Rạch Giá có các điều kiện tự nhiên thuận lợi như khí hậu, ít bị ảnh hưởng của bão nên thuận lợi để phát triển kinh tế nông nghiệp.

- Có tiềm năng phát triển kinh tế biển do giáp ranh các trung tâm du lịch, đô thị trong vùng: Khu kinh tế Phú Quốc, thành phố Cần Thơ, thành phố Hà Tiên, bán đảo Nam Du...

- Thành phố có hệ thống giao thông thuận lợi về cả đường bộ lẫn đường thủy: Cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu, QL.61, QL.80, đường hành lang ven biển phía Nam, đường Hồ Chí Minh và các tuyến đường thủy như Rạch Giá - Hà Tiên, Rạch Giá - Long Xuyên, Rạch Giá - Cái Sắn... thuận lợi để liên kết với các khu vực xung quanh thúc đẩy giao lưu phát triển kinh tế, văn hóa.

- Là thành phố trực thuộc tỉnh, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật và dịch vụ tỉnh Kiên Giang, có vị trí vô cùng thuận lợi để phát triển các ngành thương mại - dịch vụ, du lịch.

- Rạch Giá sở hữu cho mình 01 sân bay đang hoạt động với nhiều chuyến bay trong tuần. Ngoài ra, thành phố còn có 01 cảng tàu chuyên chở khách du

lich ra 2 đảo Phú Quốc và Nam Du. Đây là những điều kiện vô cùng thuận lợi để phát triển kinh tế, thương mại, đầu tư, đặc biệt là ngành du lịch.

Nguồn lực của tỉnh:

- Trung ương và Tỉnh sẽ ban hành nhiều chủ trương, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế của thành phố, đặc biệt là thúc đẩy phát triển kinh tế biển.

- Hội nhập kinh tế tạo điều kiện và động lực để nâng cao trình độ, kỹ năng và nâng cao chất lượng đội ngũ lao động tại địa phương, khả năng huy động nguồn vốn trong dân được phát huy một cách hiệu quả nhất, tạo điều kiện cho huyện thu hút đầu tư và mở rộng thị trường.

- Cách mạng công nghiệp 4.0 cùng với các thành tựu về phát triển khoa học công nghệ là cơ hội để tỉnh Kiên Giang nói chung và thành phố Rạch Giá nói riêng chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng ứng dụng khoa học công nghệ vào tổ chức sản xuất để đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, hiệu quả và giá trị sản xuất, chế biến, tiếp cận thị trường.

- Hệ thống cơ sở hạ tầng tốt, đặc biệt giao thông đô thị, các điều kiện cung cấp hạ tầng kỹ thuật khác nhau như cấp nước, cấp điện, thoát nước cũng vô cùng thuận lợi.

II. PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT, KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

2.1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2024

Tại thời điểm lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025 chưa có kết quả thống kê đất đai năm 2024 nên đánh giá hiện trạng sử dụng đất là hiện trạng năm 2023.

Tổng diện tích tự nhiên của thành phố là 10.446,18ha diện tích đất tự nhiên, chiếm 1,95% tổng diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh. Trong đó:

- Đất nông nghiệp có diện tích là 7.064,46ha, chiếm 67,50% tổng diện tích đất tự nhiên của thành phố.

- Đất phi nông nghiệp có diện tích là 3.385,57ha, chiếm 32,35% tổng diện tích đất tự nhiên thành phố.

- Đất chưa sử dụng có diện tích là 16,15ha, chiếm 0,15% tổng diện tích đất tự nhiên của thành phố.

Quỹ đất tự nhiên của thành phố phân bố không đồng đều theo đơn vị hành chính. Đơn vị có diện tích lớn nhất là xã Phi Thông 4.486,62ha và đơn vị có diện tích nhỏ nhất là phường Vĩnh Thanh Vân 80,68ha (năm 2023 chưa sáp nhập phường Vĩnh Bảo và phường Vĩnh Thanh Vân).

Bảng 2: Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của thành phố Rạch Giá

Báo cáo thuyết minh kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Rạch Giá

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Cơ Cấu (%)	Phân theo đơn vị hành chính											
					An Bình	An Hòa	Rạch Sỏi	Vĩnh Lợi	Vĩnh Lạc	Vĩnh Hiệp	Vĩnh Bảo	Vĩnh Thanh	Vĩnh Thanh Vân	Vĩnh Quang	Vĩnh Thông	Xã Phi Thông
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(16)		(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		10.466,18	100,00	476,13	658,97	345,04	356,24	286,39	1.060,84	118,08	152,72	80,68	1.038,26	1.406,23	4.486,62
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP	7.064,46	67,50	172,40	120,76	170,83	198,82	18,62	776,34	3,22	3,70	0,51	452,05	1.138,06	4.009,14
	<i>Trong đó:</i>			-												
1.1	Đất trồng lúa	LUA	5.699,25	54,45	85,53	10,92	98,16	135,89	-	476,65	-	-	-	170,60	949,90	3.771,61
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	5.699,25	54,45	85,53	10,92	98,16	135,89	-	476,65	-	-	-	170,60	949,90	3.771,61
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	147,81	1,41	2,10	4,83	1,19	1,25	0,03	67,37	0,01	0,13	-	44,96	20,00	5,93
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.192,29	11,39	84,77	105,02	71,47	61,68	18,59	231,70	3,21	3,57	0,51	236,50	146,14	229,14
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>		-	-												
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	20,57	0,20	-	-	-	-	-	0,62	-	-	-	-	19,76	0,19
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	4,54	0,04	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,27	2,27
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	3.385,57	32,35	303,73	538,20	164,17	157,42	267,77	284,50	114,86	149,02	80,16	580,09	268,16	477,48
	<i>Trong đó:</i>			-												
2.1	Đất quốc phòng	CQP	17,31	0,17	-	0,44	0,19	2,52	11,60	-	-	0,11	-	2,45	-	-
2.2	Đất an ninh	CAN	26,87	0,26	0,04	9,81	8,75	0,04	0,09	0,04	0,18	2,88	0,15	4,77	0,07	0,06
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Báo cáo thuyết minh kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Rạch Giá

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Cơ Cấu (%)	Phân theo đơn vị hành chính											
					An Bình	An Hòa	Rạch Sỏi	Vĩnh Lợi	Vĩnh Lạc	Vĩnh Hiệp	Vĩnh Bảo	Vĩnh Thanh	Vĩnh Thanh Vân	Vĩnh Quang	Vĩnh Thông	Xã Phi Thông
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	46,01	0,44	4,17	11,23	1,10	2,03	6,53	4,67	7,64	3,23	1,80	3,13	0,47	-
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	38,21	0,37	14,63	4,25	1,65	5,61	0,83	0,22	0,16	1,11	0,06	8,96	0,74	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.239,66	11,84	64,52	198,68	55,28	75,18	81,14	144,48	32,62	71,33	26,83	210,51	113,65	165,45
-	Đất giao thông	DGT	866,24	8,28	41,08	144,32	38,35	60,09	62,82	54,57	25,87	49,74	18,67	159,78	75,47	135,51
-	Đất thủy lợi	DTL	184,78	1,77	4,70	12,19	0,20	12,86	-	80,25	0,01	3,98	-	16,21	34,34	20,04
-	Đất cơ sở văn hóa	DVH	18,34	0,18	-	6,56	-	-	1,67	-	-	8,97	0,55	-	-	0,58
-	Đất cơ sở y tế	DYT	22,54	0,22	0,10	13,24	0,01	0,09	3,46	0,05	0,31	0,07	4,61	0,45	0,08	0,08
-	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	76,58	0,73	4,16	16,78	14,59	0,41	8,53	3,56	4,84	6,88	1,94	6,03	1,83	7,03
-	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	15,86	0,15	11,35	-	-	-	0,81	1,00	-	-	-	1,20	1,51	-
-	Đất công trình năng lượng	DNL	2,06	0,02	0,01	0,05	-	-	0,67	0,14	-	-	0,36	0,55	0,28	-
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	1,73	0,02	0,03	0,80	0,01	0,03	0,29	0,02	-	0,15	-	0,28	-	0,11
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,25	0,00	-	0,21	-	-	-	-	0,04	-	-	-	-	-
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,11	0,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,11	-	-
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	20,48	0,20	3,09	2,14	0,69	1,11	1,47	2,76	1,25	1,10	0,58	5,30	0,06	0,93

Báo cáo thuyết minh kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Rạch Giá

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Cơ Cấu (%)	Phân theo đơn vị hành chính											
					An Bình	An Hòa	Rạch Sỏi	Vĩnh Lợi	Vĩnh Lạc	Vĩnh Hiệp	Vĩnh Bảo	Vĩnh Thanh	Vĩnh Thanh Vân	Vĩnh Quang	Vĩnh Thông	Xã Phi Thông
-	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	20,63	0,20	-	0,13	0,08	0,44	0,62	2,13	-	-	-	16,76	0,09	0,38
-	Đất cơ sở nghiên cứu khoa học	DKH	0,07	0,00	-	-	-	-	0,07	-	-	-	-	-	-	-
-	Đất cơ sở dịch vụ về xã hội	DXH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Đất chợ	DCH	10,00	0,10	-	2,26	1,36	0,15	0,74	-	0,30	0,44	0,12	3,84	-	0,80
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,28	0,01	0,08	0,10	0,07	0,02	0,03	0,03	0,03	0,26	0,03	0,08	0,33	0,21
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	101,57	0,97	38,96	27,34	1,71	-	11,05	-	4,40	2,09	6,44	9,25	-	0,32
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	112,15	1,07	-	0,10	-	-	-	-	-	-	-	-	-	112,05
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	1.306,43	12,48	148,84	257,42	72,56	60,20	145,65	103,28	56,83	55,80	26,18	308,54	71,14	-
2.15	Đất trụ sở cơ quan	TSC	20,45	0,20	1,54	9,33	0,17	0,18	2,25	0,23	1,41	3,19	0,59	0,12	0,96	0,48
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	9,67	0,09	0,02	3,57	-	0,02	4,04	-	0,25	0,83	0,90	0,04	-	-
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	6,17	0,06	0,20	0,11	0,05	0,71	-	0,04	0,04	0,97	0,27	0,14	3,65	-
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	444,57	4,25	29,80	3,06	22,63	10,91	4,54	31,50	11,22	6,86	16,88	31,10	77,16	198,90
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	12,72	0,12	0,92	11,80	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	2,51	0,02	0,01	0,98	-	-	0,01	-	0,08	0,37	0,05	1,02	-	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	16,15	0,15	-	-	10,04	-	-	-	-	-	-	6,11	-	-

2.2. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

2.2.1. Kết quả thực hiện công trình dự án

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Rạch Giá đã được UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt tại Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 29/12/2024 và Quyết định số 2205/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 với tổng số công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Rạch Giá 93 công trình với diện tích là 149,27ha (không tính diện tích đất cấp giấy giao đất và dự án lấn biển). Ước tính thực hiện đến tháng 12/2024, như sau:

STT	Hạng mục	Tổng DMCT năm 2024	Đã thực hiện xong	Đã thực hiện xong THĐ chuyển sang giao đất	Hủy bỏ	Điều chỉnh chuyển tiếp
1	Lấn biển	7				7
2	Thu hồi đất	42	11	2	16	13
3	Chuyển mục đích	14			2	12
4	Giao đất	15			12	3
5	Đấu giá	14				14
6	Danh mục bổ sung	1				1
Tổng:		93	11	2	30	50
Tỷ lệ đạt được (%)		100%	11,83%	2,15%	32,26%	53,76%

➤ Các công trình, dự án đã thực hiện xong: 11/93 công trình

Bảng 3: Danh mục công trình, dự án thực hiện xong

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)	Năm đăng ký
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)		
I	Công trình, dự án Thu hồi đất		30,70	23,85	6,85			
1	Đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang-đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành)	DGT	16,45	15,45	1,00	CLN	Rạch Sỏi	2023 ĐC
2	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (đoạn Lê Hồng Phong-Phan Thị Ràng)	DGT	1,75	1,00	0,75	CLN	An Hòa	2023 ĐC
3	Đường Trần Văn Giàu (đoạn khu dân cư Nam An Hòa-Phan Thị Ràng)	DGT	1,63	0,70	0,93	CLN:0,05 ODT: 0,1 HNK: 0,15 DGD: 0,63	An Hòa	2023 ĐC

Báo cáo thuyết minh kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Rạch Giá

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)	Năm đăng ký
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)		
4	Mở rộng đường Võ Trường Toản (đoạn Lý Thường Kiệt – Nguyễn Bình Khiêm)	DGT	0,76	0,15	0,61	ODT	Vĩnh Thanh	2022
5	Đường Huỳnh Mẫn Đạt (đoạn từ đường Âu Cơ đến đường Lạc Hồng)	DGT	0,16	0,14	0,02	ODT	Vĩnh Lạc	2023
6	Đường Huỳnh Tấn Phát (đoạn từ đường Sư Thiện Ân đến kênh Láng Cát)	DGT	2,02	1,66	0,36	SON: 0,16 CLN: 0,02 HNK: 0,02 ODT: 0,16	Vĩnh Hiệp	2024
7	Nâng cấp Đường Mạc Thiên Tích (từ đường Phan Văn Nhờ đến kênh Ranh)	DGT	1,68	0,92	0,76	ODT: 0,57 CLN: 0,15 LUC: 0,02 SON: 0,02	Vĩnh Thông	2024
8	Đường Mạc Thiên Tích và Đường Nguyễn Văn Tư (từ đường 30 tháng 4 đến đường Võ Văn Kiệt)	DGT	1,30	0,93	0,37	CLN: 0,03 ODT: 0,02 SON: 0,32	Vĩnh Thông	2024
9	Đền tưởng niệm người có công trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	DVH	3,50	2,90	0,60	ODT: 0,2 CLN: 0,4ha	Vĩnh Thanh	2023
10	Tòa án tỉnh Kiên Giang	TSC	1,00		1,00	CLN, ODT	Vĩnh Quang	2022
11	Kè xử lý sạt lở cấp bách bờ Tây kênh Ông Hiên (từ đường Nguyễn Thái Học đến đường Sư Thiện Ân)	DKV	0,45		0,45	ODT	Vĩnh Bảo	2024

➤ Có 02/93 công trình, dự án thực hiện xong thu hồi đất chuyển sang giao đất

Bảng 4: Danh mục công trình, dự án thực hiện xong một phần

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)	Năm đăng ký
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)		
I	Công trình, dự án Thu hồi đất		3,82	2,44	1,38			

Báo cáo thuyết minh kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Rạch Giá

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)	Năm đăng ký
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)		
1	Tuyến dân cư hai bên đường số 02 (đường)	DGT	1,17	0,64	0,53	LUC: 0,18 CLN: 0,35	Vĩnh Quang	2024 ĐC
2	Tuyến dân cư hai bên đường số 02 (khu dân cư)	ODT	2,65	1,80	0,85	LUC: 0,37 CLN: 0,48	Vĩnh Quang	2024 ĐC

➤ **Các công trình, dự án đề nghị hủy thực hiện: 30 công trình**

Bảng 5: Danh mục công trình, dự án hủy

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)	Nguyên nhân
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
I	Công trình, dự án Thu hồi đất							
1	Chợ An Hoà – Khu 3 Phú Cường		1,51	0,71	0,80		An Hòa	Điều chỉnh chủ trương đầu tư
		DCH	0,76	0,26	0,50	MNC		
		DGT	0,51	0,35	0,16	CLN		
		ODT	0,24	0,10	0,14	CLN		
2	Đường Đông Hồ (đoạn đầu nối ra đường Trần Phú)	DGT	0,10	0,05	0,05		Vĩnh Thanh	Hợp dân không thông nhất Quá hạn 2 năm
3	Khu dân cư Nam An Hoà (Giai đoạn 2)	ODT	7,84		7,84	LUC: 4,7; CLN: 3,14	An Hòa	Điều chỉnh chủ trương đầu tư
4	Hạ tầng kỹ thuật chỉnh trang đô thị gồm các khu phố: Võ Trường Toản, Quang Trung, Lê Anh Xuân, Rạch Giồng-phường Vĩnh Quang		14,67	1,61	13,06		Vĩnh Quang	Trùng với dự án Khu TĐC đường Võ Trường Toản phường Vĩnh Quang
		ODT	5,22	0,88	4,34	DTL: 1,31 CLN: 2,43 SKC: 0,60		
		DKV	4,86	0,36	4,50	ODT: 2,5 DTS: 0,29 CLN: 1,4 DTL: 0,31		
		DGT	4,59	0,37	4,22	DTL: 0,26 CLN: 2,81 DTS: 0,09 ODT: 0,83 LUC: 0,23		

Báo cáo thuyết minh kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Rạch Giá

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường / xã)	Nguyên nhân
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
5	Trụ sở làm việc chung các Hội	TSC	0,40	0,00	0,40	ODT	An Hòa	Chưa triển khai thực hiện Quá hạn 3 năm
6	Trụ sở cục Hải quan tỉnh Kiên Giang và chi cục Hải Quan thành phố Rạch Giá	TSC	1,20		1,20	LUC	Vĩnh Hiệp	Chưa triển khai thực hiện Quá hạn 3 năm
7	Mở rộng Nghĩa Trang liệt sĩ tỉnh Kiên Giang	NTD	5,31		5,31	LUC	Vĩnh Quang	Chưa triển khai thực hiện Quá hạn 3 năm
8	Mở rộng đình Nguyễn Trung Trực	TIN	0,65	0,50	0,15	ODT	Vĩnh Thanh	Chưa triển khai thực hiện Quá hạn 3 năm
9	Đường Huỳnh Mẫn Đạt (đoạn từ đường Lạc Long Quân đến đường Nguyễn An Ninh)	DGT	0,20	0,12	0,08	ODT	Vĩnh Lạc	Chưa triển khai thực hiện Quá hạn 2 năm
10	Mở rộng đường Đông Hồ (đoạn Lê Thị Hồng Gấm – Phạm Ngọc Thạch)	DGT	0,31	0,07	0,24	ODT	Vĩnh Thanh	Hộ dân không thông nhất Chưa triển khai thực hiện
11	Đường Lạc Hồng nối dài (từ tuyến tránh TPRG đến giáp ranh huyện Tân Hiệp)	DGT	1,31	0,04	1,27	LUC: 1,19 SON: 0,05 ODT: 0,03	Vĩnh Hiệp	Chuyển tiếp còn trong hạn
		DGT	7,88	0,40	7,48	LUC: 5,36 SON: 0,34 CLN: 0,74 NTS: 0,15 ODT: 0,89	Vĩnh Thông	
		DGT	9,76	0,28	9,48	LUC: 8,5 SON: 0,29 ONT: 0,69	Phi Thông	
12	Đường Phan Thị		5,02	0,27	4,75			Chưa có Chủ

Báo cáo thuyết minh kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Rạch Giá

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường / xã)	Nguyên nhân
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
	Ràng nối dài đến tuyến tránh thành phố Rạch Giá	DGT	2,18	0,27	1,91	ODT: 1,24 LUC: 0,41 SON: 0,1 CLN: 0,16	An Bình	trương đầu tư
		DGT	2,84		2,84	ODT: 0,26 HNK: 0,49 LUC: 1,34 SON: 0,26 CLN: 0,49	Vĩnh Hiệp	
13	Đường Nguyễn Văn Cừ nối dài đến tuyến tránh thành phố Rạch Giá	DGT	2,32	0,02	2,30	LUC: 1,64 CLN: 0,34 ODT: 0,24 SON: 0,08	Vĩnh Hiệp	Chưa có Chủ trương đầu tư
14	Đường kênh Vành Đai (Giải phóng 9 -Trương Định)	DGT	16,32	2,75	13,57	LUC: 4,83 CLN: 1,26 DTL: 0,78 HNK: 5,9 ODT: 0,79 TON: 0,01	Vĩnh Hiệp	Chưa có Chủ trương đầu tư
15	Đường Sư Vạn Hạnh	DGT	1,00	0,42	0,58	CLN; 0,08 TON; 0,02 LUC: 0,04 ODT; 0,44	An Bình	Chuyển tiếp còn trong hạn
16	Nhà Văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Phú Hòa	DVH	0,35		0,35	LUC: 0,32 ONT: 0,03	Phi Thông	Chưa có Chủ trương đầu tư
II	Công trình, dự án chuyển mục đích							
17	Trung tâm tài chính (TM3 Phú Cường)	ODT	0,39	0,00	0,39	TMD	An Hòa	Chưa triển khai
18	Khu dân cư Tân Hưng Thịnh		3,13	0,21	2,92		Vĩnh Thông	Chưa thông qua HĐND, ĐKM trong KH 2025
		ODT	1,70	0,21	1,49	LUC	Vĩnh Thông	
		DGT	1,21		1,21	LUC	Vĩnh Thông	
		DRA	0,07		0,07	LUC	Vĩnh Thông	

Báo cáo thuyết minh kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Rạch Giá

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường / xã)	Nguyên nhân
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
		DKV	0,07		0,07	LUC	Vĩnh Thông	
		DGD	0,08		0,08	LUC	Vĩnh Thông	
III	Công trình, dự án giao đất							
19	Trường Mầm non Hoa Sen	DGD	0,43		0,43	LUC; ODT, CLN	An Hòa	Chưa triển khai thực hiện Quá hạn 3 năm. Có sử dụng đất lúa sẽ BS thông qua HĐND giữa kì
20	BCH quân sự phường Rạch Sỏi	TSC	0,47		0,47	LUC	Rạch Sỏi	Chưa triển khai thực hiện Quá hạn 2 năm. Có sử dụng đất lúa sẽ BS thông qua HĐND giữa kì
21	Viện Kiểm sát nhân dân TPRG	TSC	0,21	0,21		TSC	An Hòa	Chưa có Chủ trương đầu tư
22	Thông Tấn xã Khu vực phía Nam	TSC	0,03	0,03		TSC	An Bình	Chưa có Chủ trương đầu tư
23	Trung tâm văn hóa thể thao phường Rạch Sỏi	DVH	0,26		0,26	HNK	Rạch Sỏi	Chưa có Chủ trương đầu tư
24	Trụ sở Khu phố 7	DSH	0,02		0,02	HNK	Rạch Sỏi	Chưa có Chủ trương đầu tư
25	BCH quân sự phường Vĩnh Lợi	TSC	0,09		0,09	CLN	Vĩnh Lợi	Chưa có Chủ trương đầu tư
26	Trụ sở Khu phố 3	DSH	0,01		0,01	CLN	An Bình	Đề xuất trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030
27	Trụ sở Khu phố 8	DSH	0,02		0,02	CLN	An Hòa	Chưa có Chủ trương đầu tư

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường / xã)	Nguyên nhân
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
28	Trụ sở UBND phường Vĩnh Thông (xây dựng mới)	TSC	0,35		0,35	CLN	Vĩnh Thông	Chưa có Chủ trương đầu tư
29	Công an tỉnh Kiên Giang	CAN	8,46	8,46	0,00	CAN	An Hòa	Thuộc khoản 4 điều 67 Luật Đất đai
30	Nhà ở doanh trại Công an xã Phi Thông	CAN	0,02		0,02	DVH	Phi Thông	Chưa có Chủ trương đầu tư

❖ Có 52/93 công trình, dự án đề nghị chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2025 để thực hiện (Bao gồm 50 công trình chuyển tiếp và 02 công trình thực hiện xong thu hồi đất chuyển sang giao đất). Cụ thể:

- **Thu hồi đất:** 14 dự án đang triển khai thực hiện.

- + 06 dự án đăng ký năm 2022, 2023 điều chỉnh chuyển tiếp năm 2025
- + 08 dự án đăng ký năm 2024.

- **Chuyển mục đích sử dụng đất:** 12 dự án đang triển khai thực hiện

- + 11 dự án đăng ký năm 2022, 2023 điều chỉnh chuyển tiếp năm 2025
- + 01 dự án đăng ký năm 2024.

- **Lấn biển:** 07 dự án đang triển khai thực hiện

- + 05 dự án đăng ký năm 2022, 2023 điều chỉnh chuyển tiếp năm 2025
- + 02 dự án đăng ký năm 2024.

- **Giao đất, cho thuê đất:** 05 dự án đang triển khai thực hiện

- + 02 dự án công trình thực hiện xong thu hồi đất chuyển sang giao đất
- + 01 dự án đăng ký năm 2022, 2023 điều chỉnh chuyển tiếp năm 2025;
- + 02 dự án đăng ký năm 2024.

- **Đấu giá quyền sử dụng đất:** 14 dự án :

- + 05 dự án đăng ký năm 2022, 2023 điều chỉnh chuyển tiếp năm 2025
- + 09 dự án đăng ký năm 2024.

(Kèm theo phụ lục 03, phụ lục 03a, phụ lục 03b)

2.2.2 .Kết quả thực hiện chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân

STT	Kết quả	Số thửa	Diện tích	Tỷ lệ
1	Đã Thực hiện	120	8,05	24,05
2	Hủy	290	15,39	45,98
3	Chuyển tiếp	110	10,03	29,97
	Tổng	520	33,47	100,00

Kết quả thực hiện chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân đến tháng 12 năm 2024: Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố đăng ký 520 thửa đất (*kế hoạch 2024 đăng kí 359 thửa và đăng kí bổ sung giữa kì 161 thửa*) với tổng diện tích là 33,47ha. Thực hiện xong được 120 thửa đất với tổng diện tích 8,05ha. Hủy thực hiện 290 thửa với tổng diện tích là 15,39ha, còn lại chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 110 thửa đất với diện tích 10,03ha. Kết quả thực hiện chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân năm 2024 của thành phố Rạch Giá tương đối thấp so với hồ sơ đăng kí đạt tỷ lệ **24,05%**.

Bảng 6: Kết quả chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân trong KHSDD năm 2024

STT	Phường/ xã	Diện tích (ha)				Tổng diện tích (ha)
		CLN/ ODT	LUC/ ODT	CLN/ ONT	LUC/ ONT	
1	Phường An Bình	1,23	0,38			1,60
2	Phường An Hòa	0,30	0,55			0,86
3	Phường Rạch Sỏi	0,09	0,19			0,28
4	Phường Vĩnh Lợi	0,17	0,20			0,37
5	Phường Vĩnh Lạc	0,20				0,20
6	Phường Vĩnh Hiệp	0,32	1,95			2,26
7	Phường Vĩnh Thanh Vân	0,01				0,01
8	Phường Vĩnh Quang	0,69	0,43			1,12
9	Phường Vĩnh Thông	0,31	0,91			1,21
10	Xã Phi thông			0,02	0,11	0,13
Tổng		3,31	4,61	0,02	0,11	8,05
		7,92		0,13		

2.3. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất

Việc đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 để làm cơ sở pháp lý điều hành việc quản lý sử dụng đất đai đạt hiệu quả, khai thác thế mạnh tiềm năng đất đai và lao động ở địa phương đồng thời thúc đẩy kinh tế phát triển, nâng cao đời sống xã hội.

Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Rạch Giá cụ thể như sau:

Bảng 7: Chỉ tiêu kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Phân theo đơn vị hành chính										
					Phường An Bình	Phường An Hòa	Phường Rạch Sỏi	Phường Vĩnh Lợi	Phường Vĩnh Lạc	Phường Vĩnh Hiệp	Phường Vĩnh Thanh Vân	Phường Vĩnh Thanh	Phường Vĩnh Quang	Phường Vĩnh Thông	Xã Phi Thông
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	7.051,69	100,00	170,80	118,95	169,55	198,45	18,42	774,04	3,73	3,30	448,80	1.136,64	4.009,01
1.1	Đất trồng lúa	LUA	5.693,96	80,75	85,15	10,37	97,97	135,69		474,70			169,62	948,97	3.771,50
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	5.693,96	80,75	85,15	10,37	97,97	135,69		474,70			169,62	948,97	3.771,50
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK													
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	147,64	2,09	2,10	4,68	1,19	1,25	0,03	67,35	0,01	0,13	44,96	20,00	5,93
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.184,98	16,80	83,55	103,91	70,38	61,51	18,39	231,37	3,72	3,17	234,23	145,65	229,12
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD													
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH													
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX													
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS													
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	20,57	0,29						0,62				19,76	0,19
1.9	Đất làm muối	LMU													
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH													
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	4,54	0,04										2,27	2,27
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	3.398,34	100,00	305,33	540,02	165,45	157,79	267,97	286,80	195,03	149,42	583,34	269,58	477,61
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	112,18	3,30											112,18
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	1.312,92	38,63	150,44	258,28	72,84	60,57	145,83	105,38	82,57	54,99	310,26	71,77	
2.4	Đất quốc phòng	CQP	22,73	0,67	1,62	9,43	0,24	0,20	2,29	0,26	2,06	3,45	1,20	1,29	0,70
2.5	Đất an ninh	CAN	17,31	0,51		0,44	0,19	2,52	11,60			0,11	2,45		

Báo cáo thuyết minh kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Rạch Giá

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Phân theo đơn vị hành chính										
					Phường An Bình	Phường An Hòa	Phường Rạch Sỏi	Phường Vĩnh Lợi	Phường Vĩnh Lạc	Phường Vĩnh Hiệp	Phường Vĩnh Thanh Vân	Phường Vĩnh Thanh	Phường Vĩnh Quang	Phường Vĩnh Thông	Xã Phi Thông
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	26,87	0,79	0,04	9,81	8,75	0,04	0,09	0,04	0,33	2,88	4,77	0,07	0,06
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	143,03	4,21	15,63	39,52	14,60	0,52	18,58	4,61	13,40	17,34	7,72	3,42	7,69
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	18,94	0,56		6,56			1,67		0,55	9,57			0,58
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT													
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	22,54	0,66	0,10	13,24	0,01	0,09	3,46	0,05	4,93	0,07	0,45	0,08	0,08
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	75,95	2,23	4,16	16,15	14,59	0,41	8,53	3,56	6,77	6,88	6,03	1,83	7,03
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	15,86	0,47	11,35				0,81	1,00			1,20	1,51	
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	0,07	0,00					0,07						
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT													
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG													
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK													
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	9,67	0,28	0,02	3,57		0,02	4,04		1,15	0,83	0,04		
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	84,22	2,48	18,80	15,48	2,76	7,64	7,37	4,89	9,65	4,34	12,09	1,21	
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN													

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Phân theo đơn vị hành chính										
					Phường An Bình	Phường An Hòa	Phường Rạch Sỏi	Phường Vĩnh Lợi	Phường Vĩnh Lạc	Phường Vĩnh Hiệp	Phường Vĩnh Thanh Vân	Phường Vĩnh Thanh	Phường Vĩnh Quang	Phường Vĩnh Thông	Xã Phi Thông
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT													
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD													
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	46,01	1,35	4,17	11,23	1,10	2,03	6,53	4,67	9,43	3,23	3,13	0,47	
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	38,21	1,12	14,63	4,25	1,65	5,61	0,83	0,22	0,22	1,11	8,96	0,74	
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC													
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	1.172,51	34,50	84,77	188,84	42,62	73,13	75,59	135,34	56,66	57,01	190,55	111,22	156,78
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	871,57	25,65	41,08	146,00	39,35	60,09	62,84	54,93	44,53	50,35	160,31	76,60	135,51
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	184,78	5,44	4,70	12,19	0,20	12,86		80,25	0,01	3,98	16,21	34,34	20,04
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC													
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD													
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	0,25	0,01		0,21					0,04				
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	0,11	0,00									0,11		
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông,	DBV	2,06	0,06	0,01	0,05			0,67	0,14	0,36		0,55	0,28	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Phân theo đơn vị hành chính										
					Phường An Bình	Phường An Hòa	Phường Rạch Sỏi	Phường Vĩnh Lợi	Phường Vĩnh Lạc	Phường Vĩnh Hiệp	Phường Vĩnh Thanh Vân	Phường Vĩnh Thanh	Phường Vĩnh Quang	Phường Vĩnh Thông	Xã Phi Thông
	công nghệ thông tin														
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	1,73	0,05	0,03	0,80	0,01	0,03	0,29	0,02		0,15	0,28		0,11
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	10,00	0,29		2,26	1,36	0,15	0,74		0,41	0,44	3,84		0,80
2.9	Đất tôn giáo	TON	102,02	3,00	38,96	27,34	1,71		11,05		11,29	2,09	9,25		0,32
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	20,48	0,60	3,09	2,14	0,69	1,11	1,47	2,76	1,83	1,10	5,30	0,06	0,93
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	6,17	0,18	0,20	0,11	0,05	0,71		0,04	0,31	0,97	0,14	3,65	
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	20,63	0,61		0,13	0,08	0,44	0,62	2,13			16,76	0,09	0,38
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	456,79	13,44	30,72	14,87	22,63	10,91	4,54	31,34	28,10	6,86	31,10	76,82	198,90
2.12.3	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	12,72	0,37	0,92	11,80									
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	444,07	13,07	29,80	3,06	22,63	10,91	4,54	31,34	28,10	6,86	31,10	76,82	198,90
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	2,51	0,02	0,01	0,98			0,01		0,13	0,37	1,02		
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	16,15				10,04						6,11		
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS													

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Phân theo đơn vị hành chính										
					Phường An Bình	Phường An Hòa	Phường Rạch Sỏi	Phường Vĩnh Lợi	Phường Vĩnh Lạc	Phường Vĩnh Hiệp	Phường Vĩnh Thanh Vân	Phường Vĩnh Thanh	Phường Vĩnh Quang	Phường Vĩnh Thông	Xã Phi Thông
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS	16,15	100,00			10,04						6,11		
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS													
4	Đất sử dụng cho khu công nghệ cao*														

Ghi chú: (*)Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang được Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt

(**)Kết quả điều tra thực hiện công trình kế hoạch sử dụng đất năm 2024 và số liệu chuyển mục đích trong năm 2024

Tổng diện tích tự nhiên của thành phố Rạch Giá là 10.466,18ha, Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được duyệt là 10.817,65ha, tăng 351,47ha so với hiện trạng. Kết quả đến tháng 12/2024 diện tích tự nhiên của thành phố Rạch không thay đổi do 07 dự án lấn biển chưa thực hiện xong (Tuy nhiên, dự án Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lấn biển Trần Quang Khải) và Khu Đô thị Phú Quý đã có quyết định giao khu vực biển và thực hiện xong phần san lấp mặt bằng nhưng chưa thống kê vào tăng diện tích tự nhiên do dự án đang được tiếp tục triển khai thực hiện phần cơ sở hạ tầng). Các dự án lấn biển còn lại đang tiếp tục thực hiện.

Bảng 8: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng năm 2023 (ha)	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện			Diện tích kế hoạch chưa thực hiện (ha)		
					Diện tích	Trong đó		Tổng số Tăng (+), giảm (-)	Trong đó	
						Diện tích (ha); Tăng (+) giảm (-)	Tỷ lệ		Diện tích chuyển kỳ sau	Diện tích hủy bỏ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(4)	$\frac{(8)=(7)/[(5)-(4)] \times 100}{(4)}$	(9)=(6)-(5)	(10)	$\frac{(11)=(9)-(10)}{(10)}$
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	7.064,46	6.914,83	7.051,69	-12,77	8,53	136,86	76,90	59,96
1.1	Đất trồng lúa	LUA	5.699,25	5.595,97	5.693,96	-5,29	5,12	97,99	59,89	38,10
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	5.699,25	5.595,97	5.693,96	-5,29	5,12	97,99	59,89	38,10

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng năm 2023 (ha)	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện			Diện tích kế hoạch chưa thực hiện (ha)		
					Diện tích	Trong đó		Tổng số Tăng (+), giảm (-)	Trong đó	
						Diện tích (ha); Tăng (+) giảm (-)	Tỷ lệ		Diện tích chuyển kỳ sau	Diện tích hủy bỏ
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK								
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	147,81	136,27	147,64	-0,17	1,47	11,37	0,86	10,51
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.192,29	1.157,63	1.184,98	-7,31	21,09	27,35	16,15	11,20
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	20,57	20,42	20,57			0,15		0,15
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	4,54	4,54	4,54					
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	3.385,57	3.892,78	3.398,34	12,77	2,52	-494,45	-426,34	-68,11
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	112,05	116,73	112,18	0,13	2,69	-4,55	-0,26	-4,29
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	1.306,53	1.518,03	1.312,92	6,39	3,02	-205,11	-196,65	-8,46
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	21,73	47,63	22,73	1,00	3,88	-24,89	-22,06	-2,83
2.4	Đất quốc phòng	CQP	17,31	17,31	17,31					
2.5	Đất an ninh	CAN	26,87	26,73	26,87			0,14	0,16	-0,02
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	143,06	160,03	143,03	-0,03		-17,00	-16,41	-0,59
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	18,34	20,18	18,94	0,60	32,61	-1,24	-0,65	-0,59
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	22,54	23,63	22,54			-1,09	-1,09	
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	76,58	90,46	75,95	-0,63		-14,51	-14,51	
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	15,86	16,50	15,86			-0,64	-0,64	
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	0,07	0,07	0,07					
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	9,67	9,19	9,67			0,48	0,48	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng năm 2023 (ha)	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện			Diện tích kế hoạch chưa thực hiện (ha)		
					Diện tích	Trong đó		Tổng số Tăng (+), giảm (-)	Trong đó	
						Diện tích (ha); Tăng (+) giảm (-)	Tỷ lệ		Diện tích chuyển kỳ sau	Diện tích hủy bỏ
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	84,22	102,90	84,22			-18,68	-17,67	-1,01
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	46,01	65,73	46,01			-19,72	-19,33	-0,39
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	38,21	37,15	38,21			1,06	1,66	-0,60
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.166,73	1.399,52	1.172,51	5,78	2,48	-227,01	-179,43	-47,58
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	866,24	1.034,38	871,57	5,33	3,17	-162,82	-118,01	-44,81
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	184,78	180,69	184,78			4,09	3,31	0,78
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	0,25	0,25	0,25	0,00		0,00		0,00
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	0,11	1,49	0,11			-1,38		-1,38
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	2,06	2,33	2,06			-0,27	-0,27	
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	1,73	1,73	1,73					
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	10,00	10,35	10,00			-0,35	0,15	-0,50
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	101,57	158,62	102,02	0,45	0,79	-56,60	-54,93	-1,67
2.9	Đất tôn giáo	TON	20,48	20,45	20,48			0,03		0,03
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	6,17	6,32	6,17			-0,15		-0,15

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng năm 2023 (ha)	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện			Diện tích kế hoạch chưa thực hiện (ha)		
					Diện tích	Trong đó		Tổng số Tăng (+), giảm (-)	Trong đó	
						Diện tích (ha); Tăng (+) giảm (-)	Tỷ lệ		Diện tích chuyển kỳ sau	Diện tích hủy bỏ
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	20,63	27,08	20,63			-6,45	-1,23	-5,22
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	457,29	447,54	456,79	-0,50	5,13	9,25	7,21	2,04
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	12,72	12,22	12,72			0,50		0,50
2.12.3	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	444,57	435,32	444,07	-0,50	5,41	8,75	7,21	1,54
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	2,51	2,51	2,51					
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	16,15	10,04	16,15			6,11	6,11	
	<i>Trong đó:</i>									
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	16,15	10,04	16,15			6,11	6,11	

Ghi chú: (*)Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang được Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt

(**)Kết quả điều tra thực hiện công trình kế hoạch sử dụng đất năm 2024 và số liệu chuyển mục đích trong năm 2024.

2.3.1. Nhóm đất nông nghiệp:

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được duyệt thực hiện theo Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021. Đến nay, Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 được thực hiện theo thông tư 29/2024/TT - BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về thực hiện Quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Đối với nhóm đất phi nông nghiệp có sự thay đổi cụ thể như sau:

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 là 7.064,46ha. Theo kế hoạch năm 2024 được duyệt là 6.914,83ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2024 là 7.051,69ha, giảm 12,77ha, đạt tỷ lệ **8,53%** (11/93 công trình, dự án) so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Diện tích còn lại 136,86ha chưa thực hiện giảm để chuyển sang đất phi nông nghiệp (trong đó: Diện tích hủy trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 59,96ha, diện tích chuyển tiếp sang năm 2025 thực hiện là 76,90ha).

Trong đó:

❖ **Đất trồng lúa:** Trên địa bàn thành phố không có Đất trồng lúa còn lại

- Đất chuyên trồng lúa (*đất chuyên trồng lúa nước*): Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 là 5.699,25ha. Theo kế hoạch năm 2024 được duyệt là 5.595,97ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2024 là 5.693,96ha, giảm 5,29ha, đạt tỷ lệ 5,12% so với kế hoạch được duyệt. Diện tích còn lại 97,99ha chưa thực hiện giảm để chuyển sang đất phi nông nghiệp (trong đó: Diện tích hủy trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 38,10ha, diện tích chuyển tiếp sang năm 2025 thực hiện là 59,89ha).

+ Diện tích thực hiện xong giảm được 5,29ha do chuyển sang đất giao thông 0,2ha, đất ở đô thị 4,98ha và đất ở nông thôn 0,11ha.

+ Diện tích đất hủy thực hiện 38,10ha do hủy chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân (các trường hợp thuộc khoản 5, Điều 116 Luật Đất đai) và hủy thực hiện các công trình dự án có sử dụng đất trồng lúa như: Khu dân cư Nam An Hoà (Giai đoạn 2), Hạ tầng kỹ thuật chỉnh trang đô thị gồm các khu phố: Võ Trường Toản, Quang Trung, Lê Anh Xuân, Rạch Giồng-phường Vĩnh Quang, Trụ sở cục Hải quan tỉnh Kiên Giang và chi cục Hải Quan thành phố Rạch Giá, Mở rộng Nghĩa Trang liệt sĩ tỉnh Kiên Giang, Đường Lạc Hồng nối dài (từ tuyến tránh TPRG đến giáp ranh huyện Tân Hiệp), Đường Phan Thị Ràng nối dài đến tuyến tránh thành phố Rạch Giá, Đường Nguyễn Văn Cừ nối dài đến tuyến tránh thành phố Rạch Giá, Đường kênh Vành Đai (Giải phóng 9 -Trương Định), Đường Sư Vạn Hạnh, Nhà Văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Phú Hòa, Khu dân cư Tân Hưng Thịnh, Trường Mầm non Hoa Sen, BCH quân sự phường Rạch Sỏi.

❖ **Đất trồng cây hàng năm khác:**

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 là 147,81ha. Theo kế hoạch năm 2024 được duyệt là 136,27ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2024 là 147,64ha, giảm 0,17ha đạt tỷ lệ 1,47% so kế hoạch được duyệt. Diện tích còn lại 11,37ha chưa thực hiện giảm để chuyển sang đất phi nông nghiệp (trong đó: Diện tích hủy trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 10,51ha, diện tích chuyển tiếp sang năm 2025 thực hiện là 0,86ha).

+ Diện tích thực hiện xong giảm 0,17ha do chuyển sang đất giao thông.

+ Diện tích hủy 10,51ha do hủy chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân (các trường hợp thuộc khoản 5, Điều 116 Luật Đất đai) và hủy thực hiện các công trình dự án có sử dụng đất trồng cây hàng năm khác như: Đường Phan Thị Ràng nối dài đến tuyến tránh thành phố Rạch Giá, Đường kênh Vành Đai (Giải phóng 9 - Trương Định), Trung tâm văn hóa thể thao phường Rạch Sỏi và Trụ sở Khu phố 7.

Đất trồng cây lâu năm:

- Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 là 1.192,29ha. Theo kế hoạch năm 2024 được duyệt là 1.157,63ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2024 là 1.184,98ha, giảm được 7,31ha so với hiện trạng, đạt 21,09% so với kế hoạch được duyệt. Diện tích còn lại 27,35ha chưa thực hiện giảm để chuyển sang đất phi nông nghiệp (trong đó: Diện tích hủy trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 11,20ha, diện tích chuyển tiếp sang năm 2025 thực hiện là 16,15ha).

+ Diện tích thực hiện xong giảm được 7,31ha, do chuyển sang giao thông 2,35ha, đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,40ha; đất ở nông thôn 0,02ha, đất ở đô thị 3,79ha và đất trụ sở cơ quan 0,75ha .

+ Diện tích hủy 11,20ha do hủy chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân (các trường hợp thuộc khoản 5, Điều 116 Luật Đất đai) và hủy thực hiện các công trình dự án có sử dụng đất trồng lúa như: Chợ An Hoà – Khu 3 Phú Cường, Khu dân cư Nam An Hòa (Giai đoạn 2), Hạ tầng kỹ thuật chỉnh trang đô thị gồm các khu phố: Võ Trường Toản, Quang Trung, Lê Anh Xuân, Rạch Giồng-phường Vĩnh Quang, Đường Lạc Hồng nối dài (từ tuyến tránh TPRG đến giáp ranh huyện Tân Hiệp), Đường Phan Thị Ràng nối dài đến tuyến tránh thành phố Rạch Giá, Đường Nguyễn Văn Cừ nối dài đến tuyến tránh thành phố Rạch Giá, Đường kênh Vành Đai (Giải phóng 9 -Trương Định), Đường Sư Vạn Hạnh, BCH quân sự phường Vĩnh Lợi, Trụ sở Khu phố 3, Trụ sở Khu phố 8, Trụ sở UBND phường Vĩnh Thông (xây dựng mới) và Trường Mầm non Hoa Sen.

❖ Đất nuôi trồng thủy sản:

- Theo kế hoạch năm 2024 được duyệt là 20,42ha. Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 và Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2024 là 20,57ha, không đạt tỷ lệ so với kế hoạch được duyệt, do chưa thực hiện chuyển đất nuôi trồng thủy sản sang đất

giao thông là 0,15ha và hủy trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 (do hủy dự án Đường Lạc Hồng nối dài (từ tuyến tránh TPRG đến giáp ranh huyện Tân Hiệp).

❖ **Đất nông nghiệp khác:**

- Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 và Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2024 là 4,54ha, sử dụng ổn định.

2.3.2. Nhóm đất phi nông nghiệp:

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được duyệt thực hiện theo Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021. Đến nay, Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 được thực hiện theo thông tư 29/2024/TT - BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về thực hiện Quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Đối với nhóm đất phi nông nghiệp có sự thay đổi cụ thể như sau:

- Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 là 3.385,57ha. Theo kế hoạch năm 2024 được duyệt là 3.892,78ha. Kết quả thực hiện ước tính đến năm 2024 là 3.398,34ha, tăng được 12,77ha so với hiện trạng, đạt tỷ lệ 2,52% so với kế hoạch được duyệt. Diện tích chưa thực hiện tăng 494,45ha từ đất nông nghiệp (136,87ha), đất chưa sử dụng (6,11ha) và đất mặt nước ven biển (351,47ha) chuyển sang (trong đó: Diện tích hủy trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 68,11ha, diện tích chuyển tiếp sang năm 2025 thực hiện là 426,34ha).

❖ **Đất ở tại nông thôn:**

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 là 112,05ha. Theo kế hoạch năm 2024 được duyệt là 116,73ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2024 là 112,18ha, tăng được 0,13ha so với hiện trạng, đạt 2,69% so với kế hoạch được duyệt. Diện tích chưa thực hiện tăng được là 4,55ha (trong đó: Diện tích hủy trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 4,29ha, diện tích chuyển tiếp sang năm 2025 thực hiện là tăng 0,26ha do chuyển sang thực hiện các dự án công trình giao thông).

+ Diện tích thực hiện xong tăng được 0,13ha do chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân trên địa bàn xã Phi Thông.

+ Diện tích hủy là 4,29ha từ đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn do chỉ cho phép chuyển mục đích các hộ gia đình có đơn đăng ký nhu cầu sử dụng đất trong năm kế hoạch và hủy các công trình dự án sử dụng đất ở tại nông thôn cụ thể như sau: Đường Lạc Hồng nối dài (từ tuyến tránh TPRG đến giáp ranh huyện Tân Hiệp) và Nhà Văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Phú Hòa.

+ Diện tích chuyển tiếp sang năm 2025 thực hiện là tăng 0,26ha do nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân.

❖ **Đất ở tại đô thị:**

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 là 1.306,53ha. Theo kế hoạch năm 2024 được duyệt là 1.518,03ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2024 là 1.312,92ha, tăng 6,39ha so với hiện trạng, đạt 3,02% so với kế hoạch được duyệt.

Diện tích chưa thực hiện tăng được là 205,11ha (trong đó: Diện tích hủy trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 8,46ha, diện tích chuyển tiếp sang năm 2025 thực hiện là 196,65ha).

+ Diện tích thực hiện xong tăng 6,39ha do thực hiện chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân và dự án Tuyến dân cư hai bên đường số 02 (khu dân cư) là 8,77ha và giảm sang đất giao thông, đất cơ sở văn hóa, đất khu vui chơi giải trí công cộng và đất trụ sở cơ quan là 2,38ha.

+ Diện tích hủy thực hiện 8,46ha do hủy chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân (*các trường hợp thuộc khoản 5, Điều 116 Luật Đất đai*) và hủy thực hiện các công trình dự án có sử dụng đất ở đô thị như: Chợ An Hoà – Khu 3 Phú Cường, Khu dân cư Nam An Hoà (Giai đoạn 2), *Hạ tầng kỹ thuật chỉnh trang đô thị gồm các khu phố: Võ Trường Toản, Quang Trung, Lê Anh Xuân, Rạch Giồng-phường Vĩnh Quang, Trung tâm tài chính (TM3 Phú Cường), Khu dân cư Tân Hưng Thịnh, Trụ sở làm việc chung các Hội, Mở rộng đình Nguyễn Trung Trực, Đường Huỳnh Mẫn Đạt (đoạn từ đường Lạc Long Quân đến đường Nguyễn An Ninh), Mở rộng đường Đông Hồ (đoạn Lê Thị Hồng Gấm – Phạm Ngọc Thạch), Đường Lạc Hồng nối dài (từ tuyến tránh TPRG đến giáp ranh huyện Tân Hiệp), Đường Phan Thị Ràng nối dài đến tuyến tránh thành phố Rạch Giá, Đường Nguyễn Văn Cừ nối dài đến tuyến tránh thành phố Rạch Giá, Đường kênh Vành Đai (Giải phóng 9 -Trương Định), Đường Sư Vạn Hạnh và Trường Mầm non Hoa Sen).*

❖ Đất xây dựng trụ sở cơ quan:

- Hiện trạng năm 2023 là 21,73ha (*Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan + diện tích Đất sinh hoạt cộng đồng*). Theo kế hoạch năm 2024 được duyệt là 47,63ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2024 là 22,73ha, tăng 1,0ha so với hiện trạng, đạt tỷ lệ 3,88% so với kế hoạch được duyệt. Diện tích chưa thực hiện tăng là 24,89ha (trong đó: Diện tích hủy trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 2,83ha, diện tích chuyển tiếp sang năm 2025 thực hiện là 22,06ha).

+ Diện tích thực xong tăng 1,0ha do thực hiện xong Tòa án tỉnh Kiên Giang.

+ Diện tích hủy thực hiện 2,83ha do hủy thực hiện các công trình Trụ sở làm việc chung các Hội, Trụ sở cục Hải quan tỉnh Kiên Giang và Chi cục Hải Quan thành phố Rạch Giá, BCH quân sự phường Rạch Sỏi, Viện Kiểm sát nhân dân TPRG, Thông Tấn xã Khu vực phía Nam, BCH quân sự phường Vĩnh Lợi và Trụ sở UBND phường Vĩnh Thông (xây dựng mới).

❖ Đất quốc phòng: Hiện trạng năm 2023 và Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2024 là 17,31ha.

❖ Đất an ninh: Hiện trạng diện tích đất an ninh năm 2023 là 26,87ha, Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2024 là 26,73ha, giảm 0,14ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2024 là 26,87ha không thay đổi so với hiện trạng năm 2023, không đạt so với kế hoạch được duyệt. Diện tích chưa thực hiện tăng là 0,14ha (trong đó: Diện tích hủy trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 0,02ha, diện tích chuyển tiếp sang năm 2025 thực hiện giảm là 0,16 ha).

+ Diện tích hủy thực hiện 0,02ha do hủy thực hiện các công trình Nhà ở doanh trại Công an xã Phi Thông (0,02 ha) và dự án giao đất Công an tỉnh Kiên Giang.

+ Diện tích chuyển tiếp sang năm 2025 thực hiện giảm là 0,16 ha, để đấu giá xong 05 khu đất của Công an tỉnh.

❖ **Đất xây dựng công trình sự nghiệp** (bổ sung loại đất mới theo Thông tư 29/2024/TT-BTNMT).

- **Đất xây dựng cơ sở văn hóa:** Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 là 18,34ha. Theo kế hoạch năm 2024 được duyệt là 20,18ha và Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2024 là 18,94ha, tăng được 0,6ha so với hiện trạng, đạt tỷ lệ 32,61% so với kế hoạch được duyệt. Diện tích chưa thực hiện 1,24ha (trong đó: Diện tích hủy trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 0,59ha, diện tích chuyển tiếp sang năm 2025 thực hiện tăng là 0,65ha).

+ Diện tích tăng 0,6ha do thực xong dự án Đèn tượng niệm người có công trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

+ Diện tích hủy là 0,59ha do hủy thực hiện các công trình Nhà Văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Phú Hòa, Trung tâm văn hóa thể thao phường Rạch Sỏi và Nhà ở doanh trại Công an xã Phi Thông.

+ Diện tích chưa thực hiện tăng là 0,65ha chuyển tiếp sang kế hoạch 2025 các dự án Quần thể quảng trường biển và khách sạn Phú Gia.

- **Đất xây dựng cơ sở y tế:** Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 là 22,54ha. Theo kế hoạch năm 2024 được duyệt là 23,63ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2024 là 22,54ha, không đạt tỷ lệ so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân: Do chưa thực hiện xong đất y tế trong các dự án Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lấn biển Trần Quang Khải), Khu đô thị Phú Quý_Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi với diện tích là 1,09ha và chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2025 để thực hiện.

- **Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:** Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 là 76,58ha. Theo kế hoạch năm 2024 được duyệt là 90,46ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2024 là 75,95ha, giảm 0,63ha so với hiện trạng, không đạt tỷ lệ so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ Diện tích giảm 0,63ha do chuyển sang thực hiện dự án đường Trần Văn Giàu.

+ Diện tích chuyển tiếp sang năm 2025 thực hiện là 14,51ha trong các dự án Khu tái định cư đường Võ Trường Toản phường Vĩnh Quang, Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lấn biển Trần Quang Khải), Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe Trường Phát, Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe Trường Phát và Khu đô thị Tây Bắc (giai đoạn 2).

- **Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao:** Theo kế hoạch năm 2024 được duyệt là 16,50ha. Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 và Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2024 là 15,86ha, không đạt so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân: Do chưa thực hiện đất thể thao trong dự án Khu đô thị Phú Quý_Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi (0,64ha) và chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2025 để thực hiện.

- **Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ:** Hiện trạng năm 2023 và Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2024 là 0,07ha.

- **Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác** (Thống kê từ đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp): Theo kế hoạch năm 2024 được duyệt là 9,19ha. Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 và Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2024 là 9,67ha, không biến động so với hiện trạng, không đạt chỉ tiêu so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do chưa thực hiện giảm sang dự án Đẩu nối đường Tự Do (từ đường Nguyễn Huỳnh Đức đến đường Lý Thường Kiệt) với diện tích là 0,48ha và chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2025 để thực hiện.

❖ **Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp:** (bổ sung loại đất mới theo Thông tư 29/2024/TT-BTNMT).

- **Đất thương mại dịch vụ:** Theo kế hoạch năm 2024 được duyệt là 65,73ha. Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 và kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2024 là 46,01ha, không biến động so với hiện trạng, không đạt so với kế hoạch được duyệt. Diện tích chưa thực hiện tăng được là 19,72ha (trong đó: Diện tích hủy trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 0,39ha, diện tích chuyển tiếp sang năm 2025 thực hiện là 19,33ha). Nguyên nhân: các dự án chuyển mục đích sử dụng đất sang đất thương mại dịch vụ chưa được thực hiện.

+ Hủy 0,39ha do hủy thực hiện công trình Trung tâm tài chính (TM3 Phú Cường).

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** Hiện trạng diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp năm 2023 là 38,21ha, Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2024 là 37,15ha, giảm 1,06ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2024 là 38,21ha, không biến động so với hiện trạng năm 2023, không đạt kế hoạch được duyệt. Diện tích chưa thực hiện 1,06ha (trong đó: Diện tích hủy trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 0,60 ha, diện tích chuyển tiếp sang năm 2025 thực hiện giảm là 1,66 ha).

+ Diện tích hủy trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 0,60 ha do hủy công trình Hạ tầng kỹ thuật chỉnh trang đô thị gồm các khu phố: Võ Trường Toản, Quang Trung, Lê Anh Xuân, Rạch Giồng-phường Vĩnh Quang.

+ Diện tích chuyển tiếp sang năm 2025 thực hiện giảm là 1,66 ha để thực hiện các dự án như sau: Cầu Giải phóng 9 và các công trình đấu giá: Công ty CP Classic Mode (Việt Nam), Đấu giá Khu đất thu hồi Công ty cổ phần ĐTXD HUD Kiên Giang; Đấu giá Khu đất thu hồi của Công ty cổ phần thương mại Kiên Giang.

❖ **Đất sử dụng vào mục đích công cộng:** (bổ sung loại đất mới theo Thông tư 29/2024/TT-BTNMT).

- **Đất giao thông:** Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 là 866,24ha. Theo kế hoạch năm 2024 được duyệt là 1.034,38ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2024 là 871,57ha, tăng được 5,33ha so với hiện trạng, đạt tỷ lệ 3,17% so với kế hoạch được duyệt. Diện tích chưa thực hiện tăng được là 162,82ha (trong đó: Diện tích hủy trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 44,81ha, diện tích chuyển tiếp sang năm 2025 thực hiện là 118,01ha).

+ Diện tích thực hiện tăng được 5,33ha so với hiện trạng: Do thực hiện xong các dự án sau: Đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang- đoạn qua địa

bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành), Đường Nguyễn Thị Minh Khai (đoạn Lê Hồng Phong- Phan Thị Ràng), Đường Trần Văn Giàu (đoạn khu dân cư Nam An Hòa- Phan Thị Ràng), Mở rộng đường Võ Trường Toản (đoạn Lý Thường Kiệt – Nguyễn Bình Khiêm), Đường Huỳnh Mẫn Đạt (đoạn từ đường Âu Cơ đến đường Lạc Hồng), Đường Huỳnh Tấn Phát (đoạn từ đường Sư Thiện Ân đến kênh Láng Cát), Nâng cấp Đường Mạc Thiên Tích (từ đường Phan Văn Nhờ đến kênh Ranh), Đường Mạc Thiên Tích và Đường Nguyễn Văn Tư (từ đường 30 tháng 4 đến đường Võ Văn Kiệt) và một phần Tuyến dân cư hai bên đường số 02 (đường).

+ Diện tích hủy 44,81ha do hủy thực hiện các dự án: Chợ An Hoà – Khu 3 Phú Cường, Đường Đông Hồ (đoạn đầu nối ra đường Trần Phú), Hạ tầng kỹ thuật chỉnh trang đô thị gồm các khu phố: Võ Trường Toản, Quang Trung, Lê Anh Xuân, Rạch Giồng-phường Vĩnh Quang, Đường Huỳnh Mẫn Đạt (đoạn từ đường Lạc Long Quân đến đường Nguyễn An Ninh, Mở rộng đường Đông Hồ (đoạn Lê Thị Hồng Gấm – Phạm Ngọc Thạch), Đường Lạc Hồng nối dài (từ tuyến tránh TPRG đến giáp ranh huyện Tân Hiệp), Đường Phan Thị Ràng nối dài đến tuyến tránh thành phố Rạch Giá, Đường Nguyễn Văn Cừ nối dài đến tuyến tránh thành phố Rạch Giá, Đường kênh Vành Đai (Giải phóng 9 -Trương Định), Đường Sư Vạn Hạnh, Khu dân cư Tân Hưng Thịnh.

- **Đất thủy lợi:** Hiện trạng diện tích đất thủy lợi năm 2023 là 184,78ha, Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2024 là 180,69ha, định hướng giảm 4,09ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2024 là 184,78ha, không biến động so với hiện trạng năm 2023, không đạt so với kế hoạch được duyệt. Diện tích chưa thực hiện tăng được là 4,09ha (trong đó: Diện tích hủy trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 0,78ha, diện tích chuyển tiếp sang năm 2025 thực hiện giảm là 3,31ha.

+ Diện tích hủy là 0,78ha do hủy các công trình dự án sau: Hạ tầng kỹ thuật chỉnh trang đô thị gồm các khu phố: Võ Trường Toản, Quang Trung, Lê Anh Xuân, Rạch Giồng-phường Vĩnh Quang và Đường kênh Vành Đai (Giải phóng 9 - Trương Định).

+ Diện tích chuyển tiếp sang năm 2025 thực hiện giảm là 3,31ha để thực hiện chuyển đất thủy lợi cho các dự án Khu tái định cư đường Võ Trường Toản phường Vĩnh Quang, Đường Võ Trường Toản (đoạn từ đường Nguyễn Bình Khiêm đến đường Nguyễn Thái Bình); Đường Tú Xương (từ đường Võ Trường Toản đến Đê Biển); Khu dân cư Dương Minh Châu; Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe Trường Phát; Khu dân cư Bắc Vĩnh Quang (Giai đoạn 1) và Khu dân cư Chợ nông hải sản Trung tâm thương mại Rạch Giá.

- **Đất công trình cấp nước, thoát nước:** (bổ sung loại đất mới theo Thông tư 29/2024/TT-BTNMT).

- **Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên:** Hiện trạng năm 2023 và Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2024 là 0,25ha (được thống kê từ đất Đất có di tích lịch sử - văn hóa).

- **Đất bãi thải, xử lý chất thải:** Hiện trạng diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải năm 2023 là 0,11ha, Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2024 là 1,49ha,

tăng 1,38ha. Kết quả thực hiện đến năm 12/2024 là 0,11ha không biến động so với năm 2023, không đạt so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do chưa thực hiện các dự án xử lý nước thải trong các dự án khu dân cư đăng ký trong năm 2024 với diện tích 1,38ha và hủy bỏ trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

- **Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng:** Hiện trạng diện tích đất công trình năng lượng năm 2023 là 2,06ha, Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2024 là 2,33ha, tăng 0,27ha. Kết quả thực hiện đến năm 12/2024 là 2,06ha, không biến động so với hiện trạng năm 2023, không đạt so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân chưa thực hiện 03 dự án: *Trạm 110KV Khu công nghiệp Thanh Lộc và đường dẫn, công trình năng lượng thuộc dự án Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lấn biển Trần Quang Khải) và Khu đô thị Phú Quý-Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi và chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2025 để thực hiện.*

- **Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin:** Hiện trạng năm 2023 và Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2024 là 1,73ha.

- **Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối:** Hiện trạng diện tích đất chợ năm 2023 là 10,0ha, Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được duyệt là 10,35ha, tăng 0,35ha. Kết quả thực hiện đến năm 12/2024 là 10,0ha, không biến động so với hiện trạng năm 2023, không đạt so với kế hoạch được duyệt.

+ Diện tích hủy là 0,50ha do hủy dự án chợ An Hòa.

+ Diện tích chuyển tiếp sang năm 2025 thực hiện giảm là 0,15ha để thực hiện thu hồi đất chợ xây dựng Cầu Giải phóng 9.

- **Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng:** Hiện trạng diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng năm 2023 là 101,57ha, Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2024 là 158,62ha, tăng 57,05ha. Kết quả thực hiện đến năm 12/2024 là 102,02ha, tăng 0,45ha, đạt 0,79% so với kế hoạch được duyệt. Diện tích chưa thực hiện tăng được là 56,60ha (trong đó: Diện tích hủy trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 1,67ha, diện tích chuyển tiếp sang năm 2025 thực hiện là 54,93ha).

+ Diện tích tăng 0,45ha do thực hiện xong công trình *Kè xử lý sạt lở cấp bách bờ Tây kênh Ông Hiến (từ đường Nguyễn Thái Học đến đường Sư Thiên Ân).*

+ Diện tích hủy 1,67ha do hủy thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật chỉnh trang đô thị gồm các khu phố: Võ Trường Toản, Quang Trung, Lê Anh Xuân, Rạch Giồng-phường Vĩnh Quang, Khu dân cư Tân Hưng Thịnh.

❖ **Đất cơ sở tôn giáo:** Hiện trạng diện tích đất cơ sở tôn giáo năm 2023 là 20,48ha, Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2024 là 20,45ha, giảm 0,03ha. Kết quả thực hiện đến năm 12/2024 là 20,48ha không biến động so với năm 2023, không đạt so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân chưa chuyển 0,03ha diện tích đất cơ sở tôn giáo sang đất giao thông (*Đường kênh Vành Đai (Giải phóng 9 - Trương Định); Đường Sư Vạn Hạnh*) và hủy trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 để thực hiện.

❖ **Đất tín ngưỡng:** Hiện trạng diện tích đất cơ sở tín ngưỡng năm 2023 là 6,17ha, Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2024 là 6,32ha, tăng 0,15ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2024 là 6,17ha, không biến động so với hiện trạng năm 2023, không đạt so với kế hoạch đề ra.

+ Diện tích hủy 0,15ha do hủy thực hiện dự án mở rộng đình Nguyễn Trung Trực trong kế hoạch sử dụng đất 2025.

- **Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt:** Hiện trạng diện tích đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng năm 2023 là 20,63ha, Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2024 là 27,08ha, tăng 6,45ha. Kết quả thực hiện đến năm 12/2024 là 20,63ha, không biến động so với hiện trạng năm 2023, không đạt so với kế hoạch được duyệt. Diện tích chưa thực hiện tăng được là 6,45ha (trong đó: Diện tích hủy trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 5,22ha, diện tích chuyển tiếp sang năm 2025 thực hiện là 1,23ha).

+ Diện tích hủy 5,22ha do hủy thực hiện dự án Mở rộng nghĩa trang liệt sĩ.

+ Diện tích chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 1,23ha do thực hiện dự án Nhà tang lễ.

❖ **Đất có mặt nước chuyên dùng:** (bổ sung loại đất mới theo Thông tư 29/2024/TT-BTNMT).

- **Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá:** Hiện trạng diện tích đất có mặt nước chuyên dùng năm 2023 là 12,72ha, Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2024 là 12,22ha, giảm 0,50ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2023 là 12,72ha, không biến động so với hiện trạng năm 2023, không đạt so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân chưa thực hiện dự án Chợ An Hoà – Khu 3 Phú Cường, định hướng hủy trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

- **Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối:** Hiện trạng diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch năm 2023 là 444,57ha, Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2024 là 435,32ha, giảm 9,25ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2024 là 444,07ha, giảm 0,50ha đạt 5,41% so với kế hoạch đề ra. Diện tích chưa thực hiện giảm được là 8,75ha (trong đó: Diện tích hủy trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 1,54ha, diện tích chuyển tiếp sang năm 2025 thực hiện là 7,21ha)

+ Diện tích giảm 0,50ha do thực hiện chuyển 0,5ha sang đất giao thông các công trình Đường Huỳnh Tấn Phát (đoạn từ đường Sư Thiện Ân đến kênh Láng Cát); Nâng cấp Đường Mạc Thiên Tích (từ đường Phan Văn Nhờ đến kênh Ranh); Đường Mạc Thiên Tích và Đường Nguyễn Văn Tư (từ đường 30 tháng 4 đến đường Võ Văn Kiệt).

+ Diện tích hủy là 1,54ha do hủy các dự án sau: Đường Lạc Hồng nối dài (từ tuyến tránh TPRG đến giáp ranh huyện Tân Hiệp); Đường Phan Thị Ràng nối dài đến tuyến tránh thành phố Rạch Giá và Đường Nguyễn Văn Cừ nối dài đến tuyến tránh thành phố Rạch Giá.

+ Diện tích chuyển tiếp sang năm 2025 thực hiện giảm là 7,21ha để thực hiện công trình, dự án: Khu tái định cư đường Võ Trường Toản phường Vĩnh Quang; Cầu Giải phóng 9; Cầu kênh Đòn Dong; Kè xử lý sạt lở cấp bách bờ Tây kênh

Ông Hiền (từ đường Sư Thiện Ân đến đường Nguyễn An Ninh); Kè chống sạt lở, tạo quỹ đất khu 16ha (22,03ha).

❖ **Đất phi nông nghiệp khác:** Hiện trạng năm 2023 và Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2024 là 2,51ha.

c). Nhóm đất chưa sử dụng

Hiện trạng diện tích đất chưa sử dụng năm 2023 là 16,15ha, Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2024 là 10,04ha, giảm 6,11ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2024 là 16,15ha, không biến động so với hiện trạng, không đạt so với kế hoạch đề ra. *Nguyên nhân chưa thực hiện đưa đất bằng vào sử dụng cho dự án Tuyến dân cư đường Đê Biển (L1, L4 đến L12) và chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2025 để thực hiện.*

2.4. Kết quả thực hiện thu hồi đất của Kế hoạch sử dụng đất năm 2024

- Tổng diện tích thực hiện thu hồi trong năm kế hoạch 2024 thành phố Rạch Giá là 8,23ha (*thực hiện xong 11 công trình thu hồi đất*). Trong đó:

- + Đất nông nghiệp thu hồi được là 4,72ha (đất trồng lúa 0,57ha, đất trồng cây hàng năm khác 0,17ha, đất trồng cây lâu năm 3,98ha);
- + Đất phi nông nghiệp thu hồi được là 3,51ha (đất ở tại đô thị 2,38ha; đất cơ sở giáo dục và đào tạo 0,63ha; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,5ha).

2.5. Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024

- Diện tích đất chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp là 12,77ha, trong đó:

- + Chuyển mục đích đất trồng lúa là 5,29ha;
- + Chuyển mục đích đất trồng cây hàng năm 0,17ha;
- + Chuyển mục đích đất trồng cây lâu năm là 7,31ha.

2.6. Kết quả thực hiện, nhiệm vụ và giải pháp

Sau khi Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá trực tiếp chỉ đạo các ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức công bố công khai, đồng thời chỉ đạo thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Kiên quyết không thỏa thuận đầu tư, cấp phép đầu tư, giao cấp đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với những dự án, công trình không nằm trong danh mục kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

Phòng Tài nguyên và Môi trường làm tốt công tác tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố trong công tác quản lý đất đai, phối hợp cùng các ban, ngành của thành phố kịp thời nắm bắt, tổng hợp các nhu cầu phát sinh để đăng ký bổ sung vào Kế hoạch sử dụng đất theo quý.

2.7. Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất

Kế thừa và phát huy các kết quả đạt trong năm 2023, cùng với sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của UBND tỉnh, Thành ủy, nhất là sự hỗ trợ tích cực của các sở ngành cấp tỉnh, sự nỗ lực phấn đấu, kịp thời khắc phục các hạn chế, khuyết điểm của UBND thành phố, xây dựng kịch bản điều hành phát triển kinh tế - xã hội ngay từ đầu năm, qua đó nhiều chỉ tiêu lĩnh vực kinh tế-xã hội đạt so kế hoạch và tăng so cùng kỳ; tập trung chỉ đạo và giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc của các phòng, ban ngành thành phố, phường, xã, nhất là một số lĩnh vực trọng tâm như: giải phóng mặt bằng, triển khai các dự án, giải ngân vốn đầu tư công, công tác chống khai thác IUU,...; Quan tâm đầu tư sửa chữa, cải tạo, sắp xếp ngành hàng tại các chợ, Trung tâm thương mại Rạch Giá; Công tác quản lý đô thị được quan tâm chỉ đạo, có chuyển biến, nhất là tăng cường kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm về trật tự xây dựng, trật tự đô thị, lấn chiếm, sử dụng đất sai mục đích; việc đầu tư, chăm sóc công viên, cây xanh, vệ sinh môi trường, hệ thống thoát nước được quan tâm thực hiện, cải thiện môi trường sống cho người dân; những khó khăn, vướng mắc thực hiện các dự án trên địa bàn được tập trung giải quyết, tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình. Tập trung xây dựng hoàn thành Đề án đề nghị công nhận thành phố Rạch Giá là đô thị loại I thuộc tỉnh Kiên Giang.

Kịp thời chấn chỉnh việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện văn hóa công vụ, khắc phục các hạn chế trong thực hiện Quy chế làm việc; duy trì hiệu quả hoạt động Tổ công tác 77 để theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện nhiệm vụ; hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao diễn ra sôi nổi; công tác giáo dục và đào tạo tiếp tục được quan tâm, nhất là việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học; chăm lo kịp thời các đối tượng chính sách, người có công, hộ nghèo, cận nghèo,... Nhờ đó, hiệu lực, hiệu quả hoạt động chỉ đạo, điều hành của UBND thành phố, các phòng, ban, ngành, UBND các phường, xã được nâng lên, tình hình kinh tế của thành phố tiếp tục ổn định và phát triển diện mạo đô thị có nhiều khởi sắc, khang trang; đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng lên; quốc phòng - an ninh được tăng cường, trật tự an toàn xã hội được ổn định.

Tuy nhiên, tình trạng tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài khai thác hải sản trái phép vẫn còn xảy ra; công tác lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết còn chậm; tình trạng xây dựng công trình trên đất không đúng mục đích, lấn chiếm đất công từng lúc còn diễn ra. Việc tổ chức thực hiện một số dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn. Tình hình tội phạm về trật tự và tệ nạn xã hội từng lúc, từng nơi còn diễn biến phức tạp. Việc kiểm tra, xác minh xử lý đơn, thư khiếu nại, phản ánh, kiến nghị một số vụ việc từng lúc còn chậm. Công tác phối hợp giải quyết TTHC của một số cơ quan, đơn vị chưa được nhịp nhàng về lĩnh vực đất đai, dẫn đến còn hồ sơ trả quá hạn. Việc trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri tước và sau kỳ họp lệ HĐND đạt hiệu quả chưa cao.

Nguyên nhân những hạn chế nêu trên, nguồn lợi hải sản ngày càng cạn kiệt dẫn đến sản lượng khai thác và nuôi thủy sản giảm; năng lực điều hành và thực hiện nhiệm vụ của lãnh đạo UBND thành phố có mặt chưa hiệu quả; vai trò tham mưu, quản lý nhà nước của một số phòng, ban ngành, trách nhiệm quản lý địa bản của một số UBND phường, xã chưa thực hiện tốt; công tác phối hợp xử lý các vấn đề thuộc thẩm quyền theo chức năng nhiệm vụ được giao của người đứng đầu một vài cơ quan, đơn vị, địa phương chưa chặt chẽ; việc thành thị, báo cáo một số vấn đề phát sinh chưa kịp thời; thực hiện các văn bản chỉ đạo, kết luận của Chủ tịch, Phó Chủ tịch còn chậm, chưa đảm bảo chất lượng; năng lực làm việc và tinh thần trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ...

2.8. Đánh giá mặt được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục.

2.8.1. Mặt đạt được trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Rạch Giá được sự quan tâm, kiểm tra và giám sát của UBND thành phố các công trình dự án thu hồi đất trên địa bàn thành phố đã triển khai thực hiện; phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện tốt công tác quản lý các dự án và tham mưu cho UBND thành phố để thực hiện dự án và công tác phối hợp các phòng ban/các xã phường ngày càng chặt chẽ nên các dự án trọng điểm trong năm đã thực hiện xong 11 công trình dự án thu hồi đất: Đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang- đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành), Đường Nguyễn Thị Minh Khai (đoạn Lê Hồng Phong- Phan Thị Ràng), Đường Trần Văn Giàu (đoạn khu dân cư Nam An Hòa- Phan Thị Ràng), Mở rộng đường Võ Trường Toản (đoạn Lý Thường Kiệt – Nguyễn Bình Khiêm), Tòa án tỉnh Kiên Giang, Kè xử lý sạt lở cấp bách bờ Tây kênh Ông Hiên (từ đường Nguyễn Thái Học đến đường Sư Thiên Ân)...

2.8.2. Tồn tại và nguyên nhân

Nhìn chung, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt đã tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho công tác quản lý đất đai trên địa bàn thành phố, nhất là trong công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và đấu giá quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đạt được trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 vẫn còn nhiều tồn tại như sau:

- Sau khi kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt người có nhu cầu sử dụng đất chậm thực hiện thủ tục về đất đai nhất là trong việc thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Số lượng công trình, dự án đăng ký vào kế hoạch sử dụng đất khá nhiều trong khi nguồn vốn, ngân sách bố trí đầu tư và các công trình dự án hạn chế, không đủ để triển khai đồng loạt các hạng mục đã đăng ký.

- Một số công trình, dự án triển khai thực hiện dự án kéo dài (nhất là các dự án lớn như: 07 dự án lấn biển, các khu dân cư, khu tái định cư, tuyến dân cư, hệ thống đường giao thông nội ô... chưa thực hiện xong trong năm kế hoạch do thời gian thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng còn nhiều khó khăn, vướng mắc. Từ đó, một số chỉ tiêu sử dụng đất không đạt hoặc đạt thấp so với kế hoạch sử dụng đất 2024 được duyệt.

- Số lượng công trình, dự án đăng ký vào kế hoạch sử dụng đất thực hiện thu hồi đất theo các Nghị quyết của Hội đồng Nhân dân tỉnh và các danh mục công trình, dự án do các phòng, ban, ngành của thành phố và UBND các xã, phường đăng ký khá nhiều nhưng đến nay vẫn chưa triển khai thực hiện.

- Chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất đối với đất ở thực hiện chưa cao do phải phụ thuộc vào khả năng về tài chính vào từng thời điểm của hộ gia đình, cá nhân hoặc một số nơi người sử dụng đất muốn chuyển mục đích nhưng vị trí đất cần chuyển không phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Nguyên nhân

- Luật đất đai năm 2024 có hiệu lực ngày 01/8/2024 nên còn gây lúng túng trong công tác thực hiện các quy định theo Luật mới ban hành, nhất là về giá bồi thường theo thẩm quyền của UBND cấp huyện.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 phần lớn được xây dựng, xét duyệt trên cơ sở chuyển tiếp các hạng mục công trình kế hoạch sử dụng đất năm 2024, một số hạng mục đăng ký mang tính định hướng dài hạn.

- Một số hạng mục công trình đã đăng ký trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được duyệt do thiếu hụt nguồn vốn dẫn đến nhiều danh mục công trình được dự kiến thực hiện nhưng không thể xây dựng được.

- Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn hạn chế chưa nắm sát nhu cầu sử dụng đất của tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

- Công tác giải phóng mặt bằng (GPMB) các dự án mặc dù được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của lãnh đạo UBND thành phố Rạch Giá, sự phối hợp của các ban ngành chức năng, công tác tuyên truyền đạt được nhiều kết quả tốt... Tuy nhiên công tác bồi thường, GPMB vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn đặc biệt việc xây dựng giá đất bồi thường cho người bị thu hồi đất thường thấp hơn giá thị trường, chưa đáp ứng được nguyện vọng của người dân. Đây cũng là một trong những khó khăn lớn dẫn đến chậm trễ tiến độ công tác giải phóng mặt bằng các dự án.

- Một số công trình, dự án đăng ký vào kế hoạch sử dụng đất nhưng chỉ chú trọng hoàn thành về việc đầu tư xây dựng cơ bản, chưa quan tâm đến các thủ tục đất đai. Đánh giá mức độ hoàn thành của các công trình dự án phụ thuộc vào thủ

tục, pháp lý nên một số công trình mặc dù đã được hoàn thiện nhưng về mặt pháp lý (Quyết định giao đất, thu hồi đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất) chưa được ban hành thì vẫn đánh giá công trình chưa hoàn thành.

- Còn nhiều dự án sử dụng vốn doanh nghiệp, chủ đầu tư chỉ đăng ký vào kế hoạch sử dụng đất, nhưng chưa liên hệ với UBND cấp huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường để triển khai thực hiện đã làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất trong năm.

- Việc xác định nhu cầu sử dụng đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân còn nhiều khó khăn do một số tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chưa hiểu được tầm quan trọng của việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất, nên chưa chủ động trong việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm, chỉ đến khi vướng mắc trong thủ tục mới liên hệ bổ sung.

- Các dự án lấn biên thời gian thực hiện kéo dài ảnh hưởng đến kết quả đánh giá thực hiện.

- Việc tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt ở các cấp chưa thường xuyên. Tình trạng sử dụng đất sai với quy hoạch, kế hoạch chưa được phát hiện và xử lý kịp thời.

- Công tác giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn gặp nhiều khó khăn phần lớn do thiếu ngân sách thực hiện các thủ tục về đất đai; đặc biệt là công tác về bảo vệ môi trường và đánh giá tác động đất mặt (đối với dự án có sử dụng đất lúa).

2.8.3. Bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục

Trong quá trình lập kế hoạch sử dụng đất cần kết nối chặt chẽ với Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, quy hoạch sử dụng đất của thành phố, quy hoạch chung của thành phố, các quy hoạch xây dựng, hiện trạng sử dụng đất,... bám sát nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các cấp, của các tổ chức cá nhân; các công trình dự án đã có chủ trương đầu tư, khả năng đầu tư, huy động nguồn lực để thực hiện trong năm kế hoạch.

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; xử lý nghiêm các trường hợp giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt. Giám sát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng đất đặc biệt từ đất lúa sang các loại đất nông nghiệp khác và đất phi nông nghiệp

Quản lý chặt chẽ các trường hợp chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân, ghi nhận nhu cầu thực hiện đối với những trường hợp có đầy đủ hồ sơ pháp lý: đơn đăng ký, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trích lục, trích đo thửa đất tọa độ VN-2000.

Kịp thời tổng hợp, nắm bắt nhu cầu sử dụng đất phát sinh sau khi Kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt để tiến hành điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất theo quy định.

III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

3.1. Nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực

Để xác định nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực thực hiện trong năm 2025, căn cứ theo Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thành phố Rạch Giá được phê duyệt tại Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang, Quyết định số 1024/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Rạch Giá được phê duyệt tại quyết định 3468/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Kiên Giang, Bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2024 tại Quyết định số 2205/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024. Trên cơ sở kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 và đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của các ngành, các cấp có liên quan đến sử dụng đất trên địa bàn thành phố, nhu cầu sử dụng đất của Hộ gia đình cá nhân; đồng thời cân nhắc khả năng đầu tư thực hiện trong năm 2025 nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương, dự báo nhu cầu sử dụng đất trên địa bàn thành phố Rạch Giá như sau:

- Danh mục công trình chuyển tiếp: 52 công trình (*Kèm phụ lục 03*)
- Danh mục công trình đăng ký mới: 03 công trình

Tổng danh mục công trình dự án thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 55 công trình, trong đó:

Bảng 10: Tổng hợp danh mục công trình thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025

STT	Công trình	Chuyển tiếp năm 2024		Đăng ký mới năm 2025		Kế hoạch năm 2025	
		SL	Diện tích	SL	Diện tích	SL	Diện tích
1	Dự án lấn biển	07	351,47			07	351,47
2	Công trình dự án thu hồi đất	14	25,47	02	7,41	16	32,88
3	Công trình dự án chuyển mục đích	12	57,45	01	2,92	13	60,37
4	Công trình dự án giao đất	5	6,02			5	6,02
5	Công trình dự án đấu giá quyền sử dụng đất	14	14,97			14	14,97
	Tổng cộng	52		03		55	

Bảng 11: Công trình dự án đăng ký mới trong năm 2025

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp)	Căn cứ pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
I	Công trình, dự án Thu hồi đất		8,98	1,57	7,41			
1	Đường cấp kênh Vành Đai Tả Ngạn (từ đường Lạc Hồng đến giáp ranh huyện Châu Thành)	DGT	0,68	0,13	0,55	CLN: 0,16 LUC: 0,33 ODT: 0,01 SON: 0,05	Vĩnh Hiệp	Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 24/5/2024 của UBND thành phố Rạch Giá về chủ trương đầu tư dự án công trình Đường cấp kênh Vành Đai tả Ngạn (từ đường Lạc Hồng đến giáp ranh huyện Châu Thành) Nghị quyết số 16/NQQ-HĐND ngày 18/7/2024 của HĐND thành phố Rạch Giá về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách tỉnh giao thành phố quản lý
2	Khu Tái định cư Nam An Hòa (giai đoạn 3)		8,30	1,44	6,86			
		ODT	4,93	1,14	3,79	LUC: 2,23 CLN: 1,16 DGT: 0,07	An Hòa	- Tờ trình số 276/Ttr-UBND ngày 11/10/2024 của UBND thành phố Rạch Giá đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng dự án Khu Tái định cư Nam An Hòa (giai đoạn 3) - Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 20/11/2024 của UBND thành phố Rạch Giá về Chủ trương đầu tư dự án Khu tái định cư Nam An Hòa (giai đoạn 3)
		DKV	0,56		0,56	CLN: 0,14 LUC: 0,29 ODT: 0,13	An Hòa	
		DGT	2,81	0,30	2,51	LUC: 1,16 CLN: 0,9 ODT: 0,45	An Hòa	

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp)	Căn cứ pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
II	Công trình, dự án chuyển mục đích		3,13	0,21	2,92			
3	Khu dân cư Tân Hưng Thịnh		3,13	0,21	2,92		Vĩnh Thông	Quyết định chủ trương đầu tư số 1102/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang
		ODT	1,70	0,21	1,49	LUC	Vĩnh Thông	
		DGT	1,21		1,21	LUC	Vĩnh Thông	
		DRA	0,07		0,07	LUC	Vĩnh Thông	
		DKV	0,07		0,07	LUC	Vĩnh Thông	
		DGD	0,08		0,08	LUC	Vĩnh Thông	

3.2. Nhu cầu sử dụng của hộ gia đình cá nhân

- Nhu cầu chuyển mục đích của tổ chức, hộ gia đình cá nhân trên địa bàn thành phố Rạch Giá *(Không thống kê diện tích được phép chuyển mục đích không phải đăng kí theo khoản 5, Điều 116, Luật Đất đai)*:

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích (ha)	Loại đất sử dụng vào	Địa điểm
1	Chuyển mục đích đất ở tại nông thôn	ONT	0,26	LUC: 0,21 CLN: 0,05	Xã Phi Thông
2	Chuyển mục đích đất ở tại đô thị	ODT	1,50	LUC: 1,17; CLN: 0,33	Phường Vĩnh Hiệp
		ODT	6,88	LUC: 6,41 CLN: 0,47	Phường Vĩnh Thông
		Tổng	8,64		
2	Đất thương mại dịch vụ	TMD	0,96	LUC: 0,48 HNK: 0,48	Rạch Sỏi
		TMD	0,03	ODT	Vĩnh Lạc
		TMD	0,43	ODT: 0,02 LUC: 0,48	Vĩnh Hiệp
		Tổng	1,42		

3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Trên cơ sở tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực và nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất trong năm kế hoạch sử dụng đất năm 2025 trên địa bàn thành phố Rạch Giá như sau:

Bảng 12: Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2025 của thành phố Rạch Giá

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính										
				Phường An Bình	Phường An Hòa	Phường Rạch Sỏi	Phường Vĩnh Lợi	Phường Vĩnh Lạc	Phường Vĩnh Hiệp	Phường Vĩnh Thanh Vân	Phường Vĩnh Thanh	Phường Vĩnh Quang	Phường Vĩnh Thông	Xã Phi Thông
	Tổng diện tích tự nhiên		10.817,65	476,13	732,09	433,49	356,24	362,91	1.060,84	214,02	152,72	1.136,38	1.406,23	4.486,62
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	6.961,28	170,80	111,37	168,59	198,45	18,42	757,28	3,73	3,20	398,36	1.122,33	4.008,75
1.1	Đất trồng lúa	LUA	5.626,24	85,15	5,98	97,49	135,69		459,53			135,99	935,13	3.771,29
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	5.626,24	85,15	5,98	97,49	135,69		459,53			135,99	935,13	3.771,29
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK												
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	145,79	2,10	4,68	0,71	1,25	0,03	67,19	0,01	0,13	43,75	20,00	5,93
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.164,14	83,55	100,72	70,38	61,51	18,39	229,94	3,72	3,07	218,63	145,18	229,07
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD												
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH												
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX												
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN												
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	20,57						0,62				19,76	0,19
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT												
1.9	Đất làm muối	LMU												
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	4,54										2,27	2,27
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	3.846,33	305,33	620,72	254,86	157,79	344,49	303,56	210,29	149,52	738,01	283,89	477,87
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	112,44											112,44
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	1.525,79	150,44	291,20	109,62	60,57	178,10	116,75	92,03	54,21	392,98	79,90	
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	45,16	1,62	5,72	0,24	0,20	28,39	0,26	2,10	3,45	1,20	1,29	0,70
2.4	Đất quốc phòng	CQP	17,31		0,44	0,19	2,52	11,60			0,11	2,45		
2.5	Đất an ninh	CAN	26,71	0,04	9,81	8,75	0,04	0,09	0,04	0,32	2,73	4,77	0,07	0,06

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính										
				Phường An Bình	Phường An Hòa	Phường Rạch Sỏi	Phường Vĩnh Lợi	Phường Vĩnh Lạc	Phường Vĩnh Hiệp	Phường Vĩnh Thanh Vân	Phường Vĩnh Thanh	Phường Vĩnh Quang	Phường Vĩnh Thông	Xã Phi Thông
	Tổng diện tích tự nhiên		10.817,65	476,13	732,09	433,49	356,24	362,91	1.060,84	214,02	152,72	1.136,38	1.406,23	4.486,62
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	160,22	15,63	42,71	17,71	0,52	18,58	4,61	13,40	17,24	14,11	8,02	7,69
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	19,59		7,21			1,67		0,55	9,57			0,58
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH												
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	23,63	0,10	13,64	0,70	0,09	3,46	0,05	4,93	0,07	0,45	0,08	0,08
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	90,86	4,16	18,29	16,37	0,41	8,53	3,56	6,77	6,88	12,42	6,43	7,03
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	16,50	11,35		0,64		0,81	1,00			1,20	1,51	
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	0,07					0,07						
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT												
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT												
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG												
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	9,57	0,02	3,57		0,02	4,04		1,15	0,73	0,04		
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	103,77	18,80	22,93	10,25	7,64	7,40	6,49	9,31	3,96	15,79	1,21	
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK												
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN												
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT												
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	66,98	4,17	19,16	8,59	2,03	6,56	6,27	9,17	3,23	7,31	0,47	
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	36,79	14,63	3,77	1,65	5,61	0,83	0,22	0,14	0,73	8,48	0,74	

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính										
				Phường An Bình	Phường An Hòa	Phường Rạch Sỏi	Phường Vĩnh Lợi	Phường Vĩnh Lạc	Phường Vĩnh Hiệp	Phường Vĩnh Thanh Vân	Phường Vĩnh Thanh	Phường Vĩnh Quang	Phường Vĩnh Thông	Xã Phi Thông
	Tổng diện tích tự nhiên		10.817,65	476,13	732,09	433,49	356,24	362,91	1.060,84	214,02	152,72	1.136,38	1.406,23	4.486,62
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS												
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.354,90	84,77	229,69	84,65	73,13	93,71	139,37	69,57	58,74	251,27	113,22	156,78
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	999,28	41,08	174,40	72,95	60,09	72,82	58,16	49,97	52,23	203,62	78,47	135,51
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	182,11	4,70	12,19	0,20	12,86		80,25	0,01	3,98	13,55	34,33	20,04
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	1,57		1,04				0,02			0,44	0,07	
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC												
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	0,25		0,21					0,04				
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	0,11									0,11		
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	2,33	0,01	0,11	0,08		0,67	0,27	0,36		0,55	0,28	
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	1,73	0,03	0,80	0,01	0,03	0,29	0,02		0,15	0,28		0,11
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	9,85		2,26	1,36	0,15	0,74		0,41	0,29	3,84		0,80
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	157,68	38,96	38,69	10,06		19,19	0,65	18,76	2,09	28,88	0,07	0,32
2.9	Đất tôn giáo	TON	20,48	3,09	2,14	0,69	1,11	1,47	2,76	1,83	1,10	5,30	0,06	0,93
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	6,17	0,20	0,11	0,05	0,71		0,04	0,31	0,97	0,14	3,65	
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ	NTD	21,77		0,13	0,08	0,44	0,62	2,13			17,90	0,09	0,38

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính										
				Phường An Bình	Phường An Hòa	Phường Rạch Sỏi	Phường Vĩnh Lợi	Phường Vĩnh Lạc	Phường Vĩnh Hiệp	Phường Vĩnh Thanh Vân	Phường Vĩnh Thanh	Phường Vĩnh Quang	Phường Vĩnh Thông	Xã Phi Thông
	Tổng diện tích tự nhiên		10.817,65	476,13	732,09	433,49	356,24	362,91	1.060,84	214,02	152,72	1.136,38	1.406,23	4.486,62
	sở hữu giữ tro cốt													
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	449,11	30,72	14,87	22,63	10,91	4,54	31,10	21,30	6,64	31,10	76,40	198,90
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	12,72	0,92	11,80									
2.12.3	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	436,39	29,80	3,06	22,63	10,91	4,54	31,10	21,30	6,64	31,10	76,40	198,90
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	2,51	0,01	0,98			0,01		0,13	0,37	1,02		
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	10,04			10,04						0,00		
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS												
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	10,04			10,04						0,00		
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS												
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS												

Ghi chú: * Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên

Diện tích tự nhiên của toàn thành phố năm 2025 là **10.817,65ha**, tăng 351,47ha so với năm 2024 để thực hiện 07 dự án lấn biển:

Bảng 13: Công trình dự án lấn biển

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
	Tổng				351,47		
			15,26	-	15,26		
1	Mở rộng khu lấn biển 16 ha (22,03ha)	DGT	3,47		3,47	MVB	Vĩnh Thanh Vân
		ODT	9,46		9,46		Vĩnh Thanh Vân
		DKV	2,33		2,33		Vĩnh Thanh Vân
					68,68		
2	Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lấn biển Trần Quang Khải)	ODT	27,97	-	27,97	MVB	An Hòa
		TMD	3,21	-	3,21	MVB	An Hòa
		DKV	9,98	-	9,98	MVB	An Hòa
		DGT	24,37		24,37	MVB	An Hòa
		DYT	0,40		0,40	MVB	An Hòa
		DNL	0,06		0,06	MVB	An Hòa
		DCT	0,55		0,55	MVB	An Hòa
		DGD	2,14		2,14	MVB	An Hòa
					88,45		
3	Khu đô thị Phú Quý Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi	ODT	36,81	-	36,81	MVB	Rạch Sỏi
		TMD	6,53		6,53	MVB	Rạch Sỏi
		DKV	8,35		8,35	MVB	Rạch Sỏi
		DGD	1,81		1,81	MVB	Rạch Sỏi
		DYT	0,69	-	0,69	MVB	Rạch Sỏi
		DTT	0,64	-	0,64	MVB	Rạch Sỏi
		DNL	0,08		0,08	MVB	Rạch Sỏi
		DGT	33,54	-	33,54	MVB	Rạch Sỏi
					2,17		
4	Quần thể quảng trường biển và khách sạn Phú Gia	DGT	0,56	-	0,56	MVB	An Hòa
		DVH	0,65	-	0,65	MVB	An Hòa
		TMD	0,96	-	0,96	MVB	An Hòa
					2,27		
5	Khu 3 điều chỉnh - khu đô thị mới Phú Cường	DGT	4,86	4,11	0,75	MVB	An Hòa
		DKV	2,23	1,52	0,71	MVB	An Hòa
		DCT	0,49		0,49	MVB	An Hòa
		ODT	2,50	2,50	-	ODT	An Hòa
		TMD	1,47	1,15	0,32	MVB	An Hòa
6	Tây Bắc Rạch Giá (giai đoạn		98,12	-	98,12		
		DGD	5,56		5,56	MVB	Vĩnh Quang

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
	2)	DGT	28,81		28,81	MVB	Vĩnh Quang
		DKV	15,70		15,70	MVB	Vĩnh Quang
		TMD	3,62		3,62	MVB	Vĩnh Quang
		ODT	44,43		44,43	MVB	Vĩnh Quang
7	Cụm Công Viên Lạc Hồng		92,00	15,48	76,52		
			70,56	13,16	57,40		
		DGT	11,60	3,34	8,26	MVB	Vĩnh Lạc
		TSC	26,11	0,01	26,10	MVB	Vĩnh Lạc
		DKV	12,60	5,36	7,24	MVB	Vĩnh Lạc
		ODT	17,93	2,13	15,80	MVB	Vĩnh Lạc
		TMD	2,32	2,32		TMD	Vĩnh Lạc
			21,44	2,32	19,12		
		ODT	16,50		16,50	MVB	Vĩnh Thanh Vân
		DGT	1,73	0,01	1,72	MVB	Vĩnh Thanh Vân
		DKV	3,21	2,31	0,90	MVB	Vĩnh Thanh Vân

Bảng 14: Kế hoạch sử dụng đất 2025 so với hiện trạng 2024

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2024	KHSDĐ năm 2025	Tăng (+) Giảm (-)
	Tổng diện tích tự nhiên		10.466,18	10.817,65	351,47
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	7.051,69	6.961,28	-90,41
1.1	Đất trồng lúa	LUA	5.693,96	5.626,24	-67,72
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	5.693,96	5.626,24	-67,72
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	147,64	145,79	-1,85
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.184,98	1.164,14	-20,84
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	20,57	20,57	
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT			
1.9	Đất làm muối	LMU			
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	4,54	4,54	
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	3.398,34	3.846,33	447,99
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	112,18	112,44	0,26
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	1.312,92	1.525,79	212,87
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	22,73	45,16	22,43
2.4	Đất quốc phòng	CQP	17,31	17,31	
2.5	Đất an ninh	CAN	26,87	26,71	-0,16

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2024	KHSDD năm 2025	Tăng (+) Giảm (-)
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	143,03	160,22	17,19
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	18,94	19,59	0,65
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	22,54	23,63	1,09
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	75,95	90,86	14,91
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	15,86	16,50	0,64
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	0,07	0,07	
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	9,67	9,57	-0,10
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	84,22	103,77	19,55
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	46,01	66,98	20,97
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	38,21	36,79	-1,42
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS			
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.172,51	1.354,90	182,39
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	871,57	999,28	127,71
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	184,78	182,11	-2,67
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT		1,57	1,57
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	0,25	0,25	
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	0,11	0,11	
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	2,06	2,33	0,27
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	1,73	1,73	
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	10,00	9,85	-0,15
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	102,02	157,68	55,66
2.9	Đất tôn giáo	TON	20,48	20,48	
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	6,17	6,17	
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	20,63	21,77	1,14
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	456,79	449,11	-7,68
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	12,72	12,72	
2.12.3	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	444,07	436,39	-7,68
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	2,51	2,51	
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	16,15	10,04	-6,11
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	16,15	10,04	-6,11

A. Chỉ tiêu sử dụng nhóm đất nông nghiệp

Năm 2025, tổng diện tích nông nghiệp của thành phố là 6.961,28ha, chiếm tỷ lệ 64,35% tổng diện tích tự nhiên, giảm 90,41ha so với năm 2024, do chuyển sang các loại đất phi nông nghiệp.

(1). Đất trồng lúa (đất chuyển trồng lúa nước): Năm 2025, diện tích là 5.626,24ha, giảm 67,72ha so với năm 2024. Diện tích giảm do chuyển sang đất ở tại nông thôn 0,21ha, đất ở đô thị 50,25ha, đất cơ sở giáo dục và đào tạo 4,59ha, đất thương mại dịch vụ 1,29ha, đất giao thông 9,02ha, đất công trình cấp nước, thoát nước 0,24ha, đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 0,07ha và đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 2,05ha.

(2). Đất trồng cây hàng năm khác: Năm 2025, diện tích là 145,79ha giảm 1,85ha so với năm 2024. Diện tích giảm do chuyển sang đất ở đô thị 0,22ha, đất thương mại dịch vụ 0,5ha, đất giao thông 1,05ha, đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 0,06ha và đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 0,02ha.

(3). Đất trồng cây lâu năm: Năm 2025, diện tích là 1.164,14ha, giảm 20,84ha so với năm 2024. Diện tích giảm do chuyển sang đất ở tại nông thôn 0,05ha, đất ở tại đô thị 10,66ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,54ha, đất thương mại dịch vụ 1,01ha, đất giao thông 6,62ha, đất công trình cấp thoát nước 0,11ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 0,96ha và đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt 0,89ha.

(4). Đất nuôi trồng thủy sản: Năm 2025, diện tích là 20,57ha, sử dụng ổn định so với năm 2024.

(5). Đất nông nghiệp khác: Năm 2025, diện tích là 4,54ha, sử dụng ổn định so với năm 2024.

B. Chỉ tiêu sử dụng nhóm đất phi nông nghiệp:

Đến năm 2025, diện tích nhóm đất phi nông nghiệp của thành phố là 3.846,33ha chiếm tỷ lệ 35,56%, tăng 447,99ha so với hiện trạng năm 2024, chuyển từ nhóm đất nông nghiệp 90,41ha, đất chưa sử dụng 6,11ha và đất mặt nước ven biển 351,47ha. Cụ thể từng loại đất như sau:

(1). Đất ở tại nông thôn: Năm 2025, diện tích là 112,44ha, tăng 0,26ha với năm 2024. Nguyên nhân tăng 0,26ha để phục vụ nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân.

(2). Đất ở tại đô thị: Năm 2025, diện tích là 1.525,79ha, tăng 212,87ha (trong đó tăng từ các dự án lấn biển là 150,97ha) so với năm 2024.

- Diện tích tăng: 221,23ha để phục vụ nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân và xây dựng các khu dân cư, khu tái định cư và các dự án lấn biển.

- Diện tích giảm: 8,36ha để chuyển sang đất trụ sở cơ quan 0,05ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,29ha, đất thương mại dịch vụ 0,08ha, đất giao

thông 5,29ha, đất công trình cấp thoát nước 0,04ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 2,21ha và đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt 0,4ha.

(3). Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Năm 2025, diện tích là 45,16ha, tăng 22,43ha (*trong đó tăng từ các dự án lấn biển là 26,10ha*) so với năm 2024. Nguyên nhân:

- Diện tích tăng: 26,15ha để bố trí thực hiện các dự án sau:

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất	
1	Cải tạo mở rộng trụ sở Khu hành chính tập trung	0,05		0,05	ODT	Vĩnh Thanh Vân
2	Cụm Công Viên Lạc Hồng	26,10		26,10	MVB	Vĩnh Lạc
	Tổng	26,15		26,15		

- Diện tích giảm: 3,72ha do chuyển sang đất ở đô thị 0,28ha, đất thương mại dịch vụ 3,44ha,

(4). Đất quốc phòng: Năm 2025, diện tích là 17,31ha, sử dụng ổn định so với năm 2024.

(5). Đất an ninh: Năm 2025, diện tích là 26,71ha, giảm 0,16ha so với năm 2024. Diện tích giảm 0,16ha do chuyển sang đất ở (*đấu giá 05 khu đất của công an tỉnh*).

(6). Đất xây dựng công trình sự nghiệp: Năm 2025, diện tích là 160,22ha, tăng 17,19ha so với năm 2024. Cụ thể:

(6.1). Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Năm 2025, diện tích là 19,59ha, tăng 0,65ha (*tăng từ dự án lấn biển*) so với năm 2024.

- Diện tích tăng 0,65ha để thực hiện các dự án:

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất	
1	Quản thể quảng trường biển và khách sạn Phú Gia	0,65	0,00	0,65	MVB	An Hòa

(6.2). Đất xây dựng cơ sở y tế: Năm 2025, diện tích là 23,63ha, tăng 1,09ha (tăng từ các dự án lấn biển) so với năm 2024.

- Diện tích tăng 1,09ha để thực hiện các dự án sau:

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất	
1	Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lấn biển Trần Quang Khải)	0,40		0,40	MVB	An Hòa
2	Khu đô thị Phú Quý_Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi	0,69	0,00	0,69	MVB	Rạch Sỏi
		1,09		1,09		

(6.3). Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo: Năm 2025, diện tích là 90,86ha, tăng 14,91ha so với năm 2024,

- Diện tích tăng 14,94ha (tăng từ dự án lấn biển 9,54ha) để thực hiện các dự án sau:

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất	
1	Khu tái định cư đường Võ Trường Toản phường Vĩnh Quang	0,83		0,83	CLN: 0,54 ODT: 0,29	Vĩnh Quang
2	Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe Trường Phát	4,52		4,52	LUC: 4,51 DTL: 0,01	Vĩnh Thông
3	Khu dân cư Tân Hưng Thịnh	0,08		0,08	LUC	Vĩnh Thông
4	Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lấn biển Trần Quang Khải)	2,14		2,14	MVB	An Hòa
5	Khu đô thị Phú Quý_Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi	1,81		1,81	MVB	Rạch Sỏi
6	Khu đô thị Tây Bắc (giai đoạn 2)	5,56		5,56	MVB	Vĩnh Quang
		14,94		14,94		

- Diện tích giảm: 0,03ha chuyển sang đất ở đô thị (thực hiện đấu giá trường mẫu giáo Hoa Mai)

(6.4). Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao: Năm 2025, diện tích là 16,50ha, tăng 0,64ha (tăng từ dự án lấn biển) so với năm 2024. Diện tích tăng

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
để thực hiện dự án đất thể thao trong Khu đô thị Phú Quý_Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi.

(6.5). Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ: Năm 2025, diện tích là 0,07ha, ổn định so với năm 2024.

(6.6). Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác: Năm 2025, diện tích là 9,57ha, giảm 0,1ha so với năm 2024. Diện tích giảm do chuyển sang đất giao thông - dự án Đấu nối đường Tự Do (từ đường Nguyễn Huỳnh Đức đến đường Lý Thường Kiệt)

(7). Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: Năm 2025, diện tích là 103,77ha, tăng 19,55ha so với năm 2024.

(7.1). Đất thương mại, dịch vụ: Năm 2025, diện tích là 66,98ha, tăng 20,97ha (tăng từ án lấn biển là 14,64ha) so với năm 2024.

- Diện tích tăng 21,93ha do thực hiện chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân và các công trình dự án sau:

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất	
1	Khu tái định cư đường Võ Trường Toản phường Vĩnh Quang	0,42		0,42	CLN: 0,1 ODT:0,03 DTL:0,19 HNK:0,02 DGT:0,08	Vĩnh Quang
2	TM8 thuộc Khu 2 -Phú Cường	0,62		0,62	DKV	An Hòa
3	Khu dân cư Bắc Vĩnh Quang (Giai đoạn 1)	0,08	0,00	0,08	LUC	Vĩnh Quang
4	Khu dân cư biệt thự vườn Trường Phát	0,91	0,00	0,91	CLN	Vĩnh Hiệp
5	Bãi đậu xe TP.Rạch Giá và Trung tâm đăng kiểm phương tiện xe cơ giới đường bộ	0,50	0,24	0,26	LUC	Vĩnh Hiệp
6	Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lấn biển Trần Quang Khải)	3,21	0,00	3,21	MVB	An Hòa
7	Khu đô thị Phú Quý_Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi	6,53		6,53	MVB	Rạch Sỏi
8	Quần thể quảng trường biển và khách sạn Phú Gia	0,96	0,00	0,96	MVB	An Hòa
9	Khu 3 điều chỉnh - khu đô thị mới Phú Cường	1,47	1,15	0,32	MVB	An Hòa

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất	
10	Khu đô thị Tây Bắc (giai đoạn 2)	3,62		3,62	MVB	Vĩnh Quang
11	Cụm Công Viên Lạc Hồng	2,32	2,32		TMD	Vĩnh Lạc
12	Tuyến dân cư hai bên đường số 02 (Khu dân cư)	0,06		0,06	LUC	Vĩnh Quang
13	Tuyến dân cư đường Đê Biển (L2, L3)	0,96	0,96	0,00	ODT	Vĩnh Quang
14	Đấu giá 02 khu đất A-TMDV1 và A-TMDV 2	3,44		3,44	TSC	An Hòa
15	Đấu giá Khu đất Công ty cổ phần du lịch thương mại Hòa Giang	0,44	0,44		TMD	Vĩnh Thanh Vân
16	Chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân	1,42		1,42		
		33,15	11,22	21,93		

- Diện tích giảm 0,96ha do chuyển sang đất ở đô thị 0,32ha và đất Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 0,64ha.

(7.4). Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Năm 2025, diện tích là 36,79ha, giảm 1,42ha so với năm 2024. Nguyên nhân:

- Diện tích giảm 1,42ha do chuyển sang đất ở đô thị 0,96ha, đất thương mại dịch vụ 0,08ha, đất giao thông 0,38ha.

(8). Đất sử dụng vào mục đích công cộng: Năm 2025, diện tích là 1.354,90ha, tăng 182,39ha (tăng từ các dự án lần biển 147,87ha) so với năm 2024. Cụ thể như sau:

(8.1). Đất giao thông: Năm 2025, diện tích là 999,28ha, tăng 127,71ha (tăng từ các dự án lần biển 101,48ha) so với năm 2024. Nguyên nhân

+ Diện tích tăng 128,45ha để bố trí đất thực hiện các dự án sau:

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất	
1	Cải tạo cầu yếu và cầu kết nối trên các quốc lộ (giai đoạn II)-Cầu An Hòa	0,04		0,04	ODT	An Hòa

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất	
2	Khu tái định cư đường Võ Trường Toản phường Vĩnh Quang	6,54	1,04	5,5	CLN: 3,66 ODT: 1,22 DTL: 0,18 HNK: 0,44	Vĩnh Quang
3	Hạ tầng kỹ thuật Trung tâm thương mại Rạch Sỏi	0,13	0,07	0,06	ODT	Rạch Sỏi
4	Tuyến dân cư hai bên đường số 02 (đường)	1,17	0,64	0,53	LUC: 0,18 CLN: 0,35	Vĩnh Quang
5	Đường Trần Mai Ninh (từ đường Võ Trường Toản đến Đê Biển)	0,71	0,12	0,59	ODT: 0,46ha CLN: 0,13ha	Vĩnh Quang
6	Đường Võ Trường Toản (đoạn từ đường Nguyễn Bình Khiêm đến đường Nguyễn Thái Bình)	7,33	3,02	4,31	LUC: 0,07, DTL: 0,82 CLN: 1,02 ODT : 1,8ha HNK: 0,51 NTD: 0,09	Vĩnh Quang
7	Đường Tú Xương (từ đường Võ Trường Toản đến Đê Biển)	0,85	0,56	0,29	NTD: 0,1ha CLN: 0,13ha DKV: 0,02ha DTL: 0,04ha	Vĩnh Quang
8	Cầu Giải phóng 9	2,13	0,36	1,77	DCH: 0,15 ODT: 0,92 CLN: 0,1 SKC: 0,38 SON: 0,22	Vĩnh Thanh
	Cầu Giải phóng 9	0,29	0,06	0,23	HNK: 0,1 SON: 0,11 ODT: 0,01 CLN: 0,01	Vĩnh Hiệp
	Cầu Giải phóng 9	0,72	0,06	0,66	ODT: 0,24 SON: 0,42	Vĩnh Thông
14	Cầu kênh Đòn Dong	0,18	0,05	0,13	CLN: 0,02 ODT: 0,03 SON: 0,08	Vĩnh Hiệp
15	Đầu nối đường Tự Do (từ đường Nguyễn Huỳnh Đức đến đường Lý Thường Kiệt)	0,18	0,07	0,11	DTS: 0,1 ODT: 0,01	Vĩnh Thanh
16	Đường cặp kênh Vành Đai Tả Ngạn (từ đường Lạc Hồng đến giáp ranh huyện Châu Thành)	0,68	0,13	0,55		Vĩnh Hiệp
17	Khu Tái định cư Nam An Hòa (giai đoạn 3)	2,81	0,30	2,51	LUC: 1,16 CLN: 0,9 ODT: 0,45	An Hòa
18	Khu dân cư Bắc Vĩnh Quang (Giai đoạn 1)	3,96	0,13	3,83	LUC: 3,54 DTL: 0,16 CLN: 0,13	Vĩnh Quang

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất	
19	Bãi đậu xe TP.Rạch Giá và Trung tâm đăng kiểm phương tiện xe cơ giới đường bộ	2,32	0,00	2,32	LUC	Vĩnh Hiệp
20	Khu dân cư Tân Hưng Thịnh	1,21		1,21	LUC	Vĩnh Thông
21	Kè chống sạt lở, tạo quỹ đất khu 16ha (22,03ha)	5,54		5,54	SON: 2,07 MVB; 3,47	Vĩnh Thanh Vân
22	Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lấn biển Trần Quang Khải)	24,37		24,37	MVB	An Hòa
23	Khu đô thị Phú Quý_ Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi	33,54	0,00	33,54	MVB	Rạch Sỏi
24	Quần thể quảng trường biển và khách sạn Phú Gia	0,56	0,00	0,56	MVB	An Hòa
25	Khu 3 điều chỉnh - khu đô thị mới Phú Cường	4,86	4,11	0,75	MVB	An Hòa
26	Khu đô thị Tây Bắc (giai đoạn 2)	28,81		28,81	MVB	Vĩnh Quang
27	Cụm Công Viên Lạc Hồng	11,60	3,34	8,26	MVB	Vĩnh Lạc
	Cụm Công Viên Lạc Hồng	1,73	0,01	1,72	MVB	Vĩnh Lạc
28	Khu dân cư Chợ nông hải sản Trung tâm thương mại Rạch Giá	0,26	0,24	0,02	ODT	Vĩnh Quang
29	Khu dân cư Nam An Hòa	0,24		0,24	LUC	An Hòa
		187,80		128,45		

+ Diện tích giảm 0,74ha chuyển sang đất ở đô thị 0,21ha, đất thương mại dịch vụ 0,08ha, đất công trình cấp thoát nước 0,14ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 0,27ha và đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt 0,04ha.

(8.2). Đất thủy lợi: Năm 2025, diện tích là 182,11ha, giảm 2,67ha so với năm 2024. Nguyên nhân: Diện tích giảm do chuyển sang đất ở đô thị 1,04ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,01ha, đất thương mại dịch vụ 0,19ha, đất giao thông 1,20ha và đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 0,23ha.

(8.3). Đất công trình cấp nước, thoát nước: Năm 2025, diện tích là 1,57ha, tăng 1,57ha (tăng từ dự án lấn biển 1,04ha) so với năm 2024, để bố trí đất thực hiện các dự án sau:

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất	
1	Khu tái định cư đường Võ Trường Toản phường Vĩnh Quang	0,19		0,19	CLN: 0,11 ODT:0,04 DGT:0,04	Vĩnh Quang
2	Khu dân cư Bắc Vĩnh Quang (Giai đoạn 1)	0,27	0,02	0,25	LUC: 0,15 DGT: 0,1ha	Vĩnh Quang
3	Bãi đậu xe TP.Rạch Giá và Trung tâm đăng kiểm phương tiện xe cơ giới đường bộ	0,02		0,02	LUC	Vĩnh Hiệp
4	Khu dân cư Tân Hưng Thịnh	0,07		0,07	LUC	Vĩnh Thông
5	Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lấn biển Trần Quang Khải)	0,55		0,55	MVB	An Hòa
6	Khu 3 điều chỉnh - khu đô thị mới Phú Cường	0,49		0,49	MVB	An Hòa
		1,59	0,02	1,57		

(8.4). Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên: Năm 2025, diện tích là 0,25ha, sử dụng ổn định so với năm 2024.

(8.5). Đất bãi thải, xử lý chất thải: Năm 2025, diện tích là 0,11ha, sử dụng ổn định so với năm 2024.

(8.6). Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng: Năm 2025, diện tích là 2,33ha, tăng 0,27ha (*từ các dự án lấn biển 0,14ha*) so với năm 2024, để bố trí đất thực hiện các dự án sau:

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất	
1	Trạm 110KV Khu công nghiệp Thạnh Lộc và đường dẫn	0,13		0,13	LUC: 0,07 HNK: 0,06	Vĩnh Hiệp
2	Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lấn biển Trần Quang Khải)	0,06		0,06	MVB	An Hòa
3	Khu đô thị Phú Quý_Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi	0,08		0,08	MVB	Rạch Sỏi
		0,27		0,27		

(8.7). Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin: Năm 2025, diện tích là 1,73ha, ổn định so với năm 2024.

(8.8). Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối: Năm 2025, diện tích là 9,85ha, giảm 0,15ha so với năm 2024. Nguyên nhân giảm do chuyển sang thực hiện dự án Cầu giải phóng 9.

(8.9). Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: Năm 2025, diện tích là 157,68ha, tăng 55,66ha (tăng từ dự án lấn biển 45,21ha) so với năm 2024, để bố trí thực hiện các dự án sau.

- Diện tích tăng 56,30ha để thực hiện các dự án sau:

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất	
1	Khu tái định cư đường Võ Trường Toản phường Vĩnh Quang	2,89		2,89	CLN: 0,79 ODT:1,76 DTL:0,23 HNK:0,02 DGT:0,09	Vĩnh Quang
2	Kè xử lý sạt lở cấp bách bờ Tây kênh Ông Hiền (từ đường Sư Thiện Ân đến đường Nguyễn An Ninh)	0,79	0,01	0,78	ODT; 0,31 DGT: 0,1 SON; 0,37	Vĩnh Thanh Vân
3	Khu Tái định cư Nam An Hòa (giai đoạn 3)	0,56		0,56	CLN: 0,14 LUC: 0,29 ODT: 0,13	An Hòa
4	CVCĐ1 thuộc Khu 1 - Phú Cường	0,22		0,22	TMD	An Hòa
5	CVCĐ2 thuộc Khu 2 - Phú Cường	0,20		0,20	TMD	An Hòa
6	CVCĐ3 thuộc Khu 2 - Phú Cường	0,20		0,20	TMD	An Hòa
7	Khu dân cư Bắc Vĩnh Quang (Giai đoạn 1)	1,04	0,00	1,04	LUC: 0,94 CLN: 0,03 DGT : 0,07	Vĩnh Quang
8	Bãi đậu xe TP.Rạch Giá và Trung tâm đăng kiểm phương tiện xe cơ giới đường bộ	0,65		0,65	LUC	Vĩnh Hiệp
9	Khu dân cư Tân Hưng Thịnh	0,07		0,07	LUC	Vĩnh Thông
10	Kè chống sạt lở, tạo quỹ đất khu 16ha (22,03ha)	6,69		6,69	SON: 4,34 MVB: 2,33 TMD: 0,02	Vĩnh Thanh Vân
11	Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lấn biển	9,98	0,00	9,98	MVB	An Hòa

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất	
	Trần Quang Khải)					
12	Khu đô thị Phú Quý_Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi	8,35		8,35	MVB	Rạch Sỏi
13	Khu 3 điều chỉnh - khu đô thị mới Phú Cường	2,23	1,52	0,71	MVB	An Hòa
14	Khu đô thị Tây Bắc (giai đoạn 2)	15,70		15,70	MVB	Vĩnh Quang
15	Cụm Công Viên Lạc Hồng	12,60	5,36	7,24	MVB	Vĩnh Lạc
	Cụm Công Viên Lạc Hồng	3,21	2,31	0,90	MVB	Vĩnh Lạc
16	Khu dân cư Chợ nông hải sản Trung tâm thương mại Rạch Giá	0,01		0,01	ODT	Vĩnh Quang
17	Khu dân cư Nam An Hòa	0,1		0,1	LUC	An Hòa
18	Tuyến dân cư hai bên đường số 02 (Khu dân cư)	0,01		0,01	DGT	Vĩnh Quang
		65,49	9,19	56,30		

- Diện tích giảm 0,64ha do chuyển sang đất thương mại dịch vụ 0,62ha và đất giao thông 0,02ha.

(9). Đất cơ sở tôn giáo: Năm 2025, diện tích là 20,48ha, sử dụng ổn định so với năm 2024.

(10). Đất tín ngưỡng: Năm 2025, diện tích là 6,17ha, sử dụng ổn định so với năm 2024.

(11). Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Năm 2025, diện tích là 21,77ha, tăng 1,14ha so với năm 2024.

- Diện tích tăng 1,33ha do thực hiện dự án Nhà tang lễ - phường Vĩnh Quang.

- Diện tích giảm 0,19ha do chuyển sang đất giao thông (dự án Đường Võ Trường Toản (đoạn từ đường Nguyễn Bình Khiêm đến đường Nguyễn Thái Bình); Đường Tú Xương (từ đường Võ Trường Toản đến Đê Biển))

(12). Đất có mặt nước chuyên dùng: Năm 2025, diện tích là 449,11ha giảm 7,68ha.

(12.1). Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá: Năm 2025, diện tích 12,72ha sử dụng ổn định so với năm 2024.

(12.2). Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối). Năm 2025, diện tích là 436,39ha, giảm 7,68ha so với năm 2024. Nguyên nhân giảm do

chuyển sang đất ở đô thị 0,02ha, đất giao thông 2,95ha và đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 4,71ha.

❖ **Đất phi nông nghiệp khác:** Năm 2025, diện tích là 2,51ha, sử dụng ổn định so với năm 2024.

C. Nhóm đất chưa sử dụng (*Đất bằng chưa sử dụng*): Năm 2025, diện tích 10,04ha, chiếm tỷ lệ 0,09%, giảm 6,11ha so với năm 2024. Diện tích giảm do chuyển sang đất ở đô thị.

3.4. Diện tích đất cần thu hồi

Tổng diện tích đất cần phải thu hồi trong năm kế hoạch 2025 thành phố Rạch Giá là 32,88ha

-Nhóm đất nông nghiệp: 19,8ha. Trong đó đất trồng lúa 4,48ha, đất trồng cây hàng năm khác 1,37ha, đất trồng cây lâu năm 13,95ha.

-Nhóm đất phi nông nghiệp: 13,08ha. trong đó đất ở tại đô thị 8,26ha, đất xây dựng công trình sự nghiệp khác 0,1ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,38ha, đất giao thông 0,42ha, đất công trình thủy lợi 2,3ha, đất chợ dân sinh, chợ đầu mối 0,15ha, Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 0,03ha, đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt 0,19ha và Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 1,25ha.

Bảng 15: Diện tích đất cần thu hồi

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính										
				Phường An Bình	Phường An Hòa	Phường Rạch Sỏi	Phường Vĩnh Lợi	Phường Vĩnh Lạc	Phường Vĩnh Hiệp	Phường Vĩnh Thanh Vân	Phường Vĩnh Thanh	Phường Vĩnh Quang	Phường Vĩnh Thông	Xã Phi Thông
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...(15)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	19,8		7,1				0,75		0,1	11,85		
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4,48		4,01				0,4			0,07		
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	4,48		4,01				0,4			0,07		
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1,37						0,16			1,21		
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	13,95		3,09				0,19		0,1	10,57		
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	13,08		0,69	0,06			0,29	0,84	1,78	8,76	0,66	
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	8,26		0,62	0,06			0,05	0,36	0,93	6	0,24	

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính										
				Phường An Bình	Phường An Hòa	Phường Rạch Sỏi	Phường Vĩnh Lợi	Phường Vĩnh Lạc	Phường Vĩnh Hiệp	Phường Vĩnh Thanh Vân	Phường Vĩnh Thanh	Phường Vĩnh Quang	Phường Vĩnh Thông	Xã Phi Thông
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	0,1								0,1			
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	0,1								0,1			
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	0,38								0,38			
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,38								0,38			
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	2,9		0,07					0,11	0,15	2,57		
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	0,42		0,07					0,1		0,25		
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	2,3									2,3		
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	0,15								0,15			
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	0,03							0,01		0,02		
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	0,19									0,19		
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	1,25						0,24	0,37	0,22		0,42	
2.12.3	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1,25						0,24	0,37	0,22		0,42	

3.5. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

- Diện tích đất chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp là 90,41ha: Đất trồng lúa là 67,72ha; Đất trồng cây hàng năm khác 1,85ha; Đất trồng cây lâu năm là 20,84ha.

- Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp 3,10 ha: Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở 3,02ha và Chuyển đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại dịch vụ sang đất thương mại, dịch vụ 0,08 ha.

Bảng 16: Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính										
				Phường An Bình	Phường An Hòa	Phường Rạch Sỏi	Phường Vĩnh Lợi	Phường Vĩnh Lạc	Phường Vĩnh Hiệp	Phường Vĩnh Thanh Vân	Phường Vĩnh Thanh	Phường Vĩnh Quang	Phường Vĩnh Thông	Xã Phi Thông
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(15)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Chuyển đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	90,41		7,58	0,96			16,76		0,1	50,44	14,31	0,26
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	67,72		4,39	0,48			15,17			33,63	13,84	0,21
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	1,85			0,48			0,16			1,21		
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	20,84		3,19				1,43		0,10	15,60	0,47	0,05
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN												

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính										
				Phường An Bình	Phường An Hòa	Phường Rạch Sỏi	Phường Vĩnh Lợi	Phường Vĩnh Lạc	Phường Vĩnh Hiệp	Phường Vĩnh Thanh Vân	Phường Vĩnh Thanh	Phường Vĩnh Quang	Phường Vĩnh Thông	Xã Phi Thông
4	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp	-	3,1		0,82	0,03				0,44	0,15	1,66		
4.2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	MHT/OTC	3,02		0,82	0,03				0,36	0,15	1,66		
4.5	Chuyển đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại dịch vụ sang đất thương mại, dịch vụ	MHT/TMD	0,08							0,08				

3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng là 6,11ha chuyển sang đất ở đô thị (*dự án đầu giá Tuyến dân cư đường Đê Biển (L1, L4 đến L12)*)

3.7 Diện tích các khu vực lấn biển đưa vào sử dụng theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của Thành phố Rạch Giá

Bảng 17: Diện tích ckhv lấn biển đưa vào sử dụng theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của Thành phố Rạch Giá

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính										
				Phường An Bình	Phường An Hòa	Phường Rạch Sỏi	Phường Vĩnh Lợi	Phường Vĩnh Lạc	Phường Vĩnh Hiệp	Phường Vĩnh Thanh Vân	Phường Vĩnh Thanh	Phường Vĩnh Quang	Phường Vĩnh Thông	Xã Phi Thông
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+... (15)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	351,47		73,12	88,45		76,52		15,26		98,12		
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT												
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	150,97		27,97	36,81		32,30		9,46		44,43		
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	26,10					26,10						
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	11,89		3,19	3,14						5,56		
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,65		0,65									
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	1,09		0,40	0,69								
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	9,51		2,14	1,81						5,56		
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	0,64			0,64								
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	14,64		4,49	6,53						3,62		
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	14,64		4,49	6,53						3,62		

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính										
				Phường An Bình	Phường An Hòa	Phường Rạch Sỏi	Phường Vĩnh Lợi	Phường Vĩnh Lạc	Phường Vĩnh Hiệp	Phường Vĩnh Thanh Vân	Phường Vĩnh Thanh	Phường Vĩnh Quang	Phường Vĩnh Thông	Xã Phi Thông
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	147,87		37,47	41,97		18,12		5,80		44,51		
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	101,48		25,68	33,54		9,98		3,47		28,81		
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	1,04		1,04									
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	0,14		0,06	0,08								
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	45,21		10,69	8,35		8,14		2,33		15,70		

3.8. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch

Kèm theo biểu 25-CH

3.9. Dự kiến các khoản thu chi liên quan đến đất đai trong Kế hoạch sử dụng đất

a. Cơ sở tính toán

- Các văn bản quy định, hướng dẫn từ Trung ương gồm:

Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Các văn bản quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh:

+ Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về ban hành quy định bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

+ Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh Kiên Giang sửa đổi, bổ sung Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Quy định bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

b. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai

- Dự kiến các khoản thu: Bao gồm thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất

- Dự kiến khoản chi: Chi bồi thường, hỗ trợ tái định cư các công trình thu hồi đất.

Bảng 18: Ước tính thu - chi từ đất theo kế hoạch

STT	Hạng mục	Diện tích	Đơn giá bình quân	Thành tiền
		(m ²)	đồng/m ²)	
I	Các khoản thu			4.958.580.000.000
-	Thu tiền khi chuyển mục đích sang đất ở đô thị	611.300	5.000.000	3.056.500.000.000
-	Thu tiền khi chuyển mục đích sang đất ở nông thôn	2.600	3.000.000	7.800.000.000
-	Thu tiền khi chuyển mục đích sang đất thương mại, dịch vụ	28.000	3.500.000	98.000.000.000

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

STT	Hạng mục	Diện tích	Đơn giá bình quân	Thành tiền
		(m2)	đồng/m2)	
-	Thu tiền đấu giá quyền sử dụng đất	149.690	12.000.000	1.796.280.000.000
II	Các khoản chi			1.213.600.000.000
-	Chi bồi thường đất ở tại đô thị	82.600	10.000.000	826.000.000.000
	Chi bồi thường đất ở sản xuất phi nông nghiệp	3.800	3.000.000	11.400.000.000
-	Chi bồi thường đất cây lâu năm	139.500	1.000.000	139.500.000.000
-	Chi bồi thường đất cây hàng năm khác	13.700	1.000.000	13.700.000.000
-	Chi bồi thường đất trồng lúa	44.800	1.000.000	44.800.000.000
-	Hỗ trợ 3,0 lần đất nông nghiệp	198.000	900.000	178.200.000.000
III	Cân đối thu - chi (I - II)			3.744.980.000.000

Ghi chú: Không tính các nguồn thu từ phí, lệ phí sử dụng đất.

Ước tính theo giá bình quân của từng loại đất.

Trên đây là dự kiến thu chi giả định dựa trên khung giá và các văn bản hướng dẫn hiện hành tại thời điểm lập kế hoạch sử dụng đất. Thu chi thực tế phụ thuộc vào thời điểm triển khai dự án, kết quả đấu giá và giá đất trên thị trường tại thời điểm triển khai dự án cũng như từng dự án cụ thể.

IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

- Giữ ổn định diện tích đất trồng cây hàng năm khác theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt nhằm đảm bảo vấn đề về an ninh lương thực; Đồng thời vận dụng các chính sách hỗ trợ đất trồng cây hàng năm khác của Chính phủ để hỗ trợ người sản xuất theo tinh thần Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý và sử dụng đất trồng cây hàng năm khác. Nghiêm cấm việc chuyển đổi đất trồng cây hàng năm khác sang các mục đích khác ngoài quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và ngoài các quy định hiện hành về sử dụng đất trồng cây hàng năm khác.

- Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp; thực hiện xây dựng cánh đồng mẫu lớn, đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu lúa gạo. Hình thành, phát triển vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao và tổ chức thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ người sản xuất đã được Thủ tướng Chính phủ quy định tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn. Song song với quá trình sử dụng đất, chú trọng bảo vệ, cải tạo môi trường đất, nước và hạn chế tối đa các tác động tiêu cực gây ô nhiễm môi trường, gây lây lan dịch bệnh, sử dụng cạn kiệt tài nguyên,... nhằm đảm bảo phát triển bền vững.

- Khuyến khích áp dụng các kỹ thuật công nghệ phù hợp với phát triển mạnh ưu thế về đa dạng sinh học trong sản xuất nông nghiệp. Hạn chế việc sử dụng phân bón hóa học, thuốc trừ sâu; đồng thời tuyên truyền, vận động sử dụng các loại phân bón hữu cơ trong sản xuất nông nghiệp. Giảm thiểu hiện tượng nhiễm mặn thông qua chính sách quản lý và bảo vệ lưu vực sông.

- Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đất nói riêng và môi trường nói chung trên địa bàn thành phố; di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp xen cài trong khu dân cư vào các khu, cụm công nghiệp tập trung. Kiểm soát chặt chẽ hoạt động xử lý nước thải của các cơ sở sản xuất kinh doanh, các nhà máy, xí nghiệp trên địa bàn thành phố nhằm ngăn ngừa, hạn chế ô nhiễm nguồn nước. Thu hút đầu tư có chọn lọc và kiên quyết không cấp giấy phép cho các nhà đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường.

- Để cải tạo, nâng cao năng suất đất trồng cây hàng năm khác (nhằm bù đắp lại phần diện tích đất trồng cây hàng năm khác mất đi để thực hiện các công trình, dự án trong kỳ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất) cần áp dụng các giải pháp sau:

+ Quy hoạch, phát triển các cơ sở và diện tích sản xuất lúa giống; tiếp tục thử nghiệm các giống lúa có năng suất cao, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng tại địa phương.

+ Tăng cường công tác khuyến nông, thực hiện chuyển giao các biện pháp công nghệ, kỹ thuật tiên tiến; xây dựng quy trình tiêu chuẩn hóa và tổ chức phổ biến, truyền đạt kỹ thuật canh tác, tiến đến xây dựng một số vùng lúa đạt tiêu chuẩn Viet GAP.

+ Hỗ trợ, khuyến khích nông dân thực hiện chính sách dồn điền, đổi thửa nhằm xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp tập trung với quy mô lớn.

+ Cần đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng nông thôn, đặc biệt là quy hoạch xây dựng hệ thống kênh mương thủy lợi, giao thông nội đồng.

+ Cần có giải pháp hỗ trợ người nông dân trong khâu tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; tạo điều kiện cho nông dân tiếp cận được với các nguồn vốn vay ở địa phương thông qua các dự án tín dụng.

+ Cải tiến công nghệ thu hoạch nhằm giảm bớt mức thiệt hại ở khâu thu hoạch, cơ giới hóa trong quá trình thu hoạch lúa để rút ngắn thời gian thu hoạch, tránh thiệt hại do thiên tai gây ra và chuẩn bị kịp thời cho vụ tiếp theo.

4.2 Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt, các cấp, các ngành ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện các công trình dự án, khắc phục tình trạng “quy hoạch treo”. Ưu tiên phân bổ nguồn vốn đối với các dự án đã được bố trí kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. Đầu tư trọng điểm và kịp thời trên các lĩnh vực, đặc biệt là đầu tư phát triển nông nghiệp, công nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông, thủy lợi, điện.

- Thẩm định, đánh giá đúng các đối tượng sử dụng đất, đặc biệt là các đối tượng thuê đất; công khai thông tin các dự án đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án để người dân có thể kiểm tra giám sát; tiếp tục rà soát tăng cường quản lý về đất đai đối với các tổ chức, cá nhân thuê đất để tránh thất thu và gia tăng nguồn thu ngân sách.

- Tăng cường kêu gọi vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến việc sử dụng đất; huy động tối đa các nguồn vốn cho sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng từ vốn ngân sách, vốn của các doanh nghiệp, vốn liên doanh liên kết, vốn đầu tư của nước ngoài, vận động nguồn vốn nhân dân. Tạo môi trường đầu tư, môi trường kinh doanh thông thoáng, thuận lợi nhằm thu hút các nhà đầu tư từ bên ngoài và huy động các nguồn lực trong tỉnh. Phát triển dịch vụ tư vấn pháp lý để nâng cao năng lực hội nhập của doanh nghiệp. Tiếp tục tạo mọi điều kiện thu hút, mời gọi các nhà đầu tư có đủ năng lực tham gia đầu tư, xây dựng các dự án mang tính đột phá, cấp thiết nhằm thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố.

Chú trọng việc đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực quản lý đất đai, tài nguyên môi trường. Thường xuyên mở các lớp tập huấn, đào tạo và nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ, năng lực và ý thức trách nhiệm của

đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đất đai cấp huyện, cán bộ địa chính phường xã để đáp ứng yêu cầu về đổi mới ngành. Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp.

4.3 Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

Để kế hoạch sử dụng đất có tính khả thi cao, đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng đất và hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Rạch Giá trong năm 2024. Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất cần chú ý thực hiện các giải pháp như sau.

4.3.1 Giải pháp về tuyên truyền

- Sau khi kế hoạch sử dụng đất được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá chỉ đạo các phòng ban, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các phường xã tổ chức công bố công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân các phường xã; đồng thời thực hiện tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc tại các buổi sinh hoạt chuyên đề, buổi họp khu phố để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân biết và thực hiện đúng quy hoạch, kế hoạch được duyệt.

- Tiếp tục tuyên truyền các quy định mới theo Luật Đất đai năm 2013 về công tác quy hoạch, kế hoạch về quyền lợi, trách nhiệm của các đơn vị, tổ chức và hộ gia đình, cá nhân trong sử dụng đất đai để tránh tình trạng quy hoạch treo, chuyển mục đích sử dụng đất không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Tiếp tục tuyên truyền, vận động người dân tự nguyện hiến đất nhằm xây dựng các dự án hạ tầng cơ sở - hạ tầng xã hội, phục vụ lợi ích chung của địa phương, góp phần phát triển kinh tế - xã hội; chủ động nguồn vốn, nguồn lực sẵn có của địa phương.

- Sau khi kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt tuyên truyền khuyến khích các tổ chức, hộ gia đình cá nhân có nhu cầu đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất như đất thương mại dịch vụ, đất ở đô thị, đất ở nông thôn nhanh chóng làm thủ tục pháp lý chuyển mục đích đúng với mục đích sử dụng đất trong kế hoạch được duyệt.

4.3.2 Giải pháp về chính sách

- Thực hiện những chính sách ưu đãi, hỗ trợ đào tạo nghề đối với những hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi, phải chuyển đến ở tại các khu tái định cư, để đảm bảo nhu cầu an sinh xã hội.

- Công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng cần phải được thực hiện công khai, đúng trình tự theo quy định pháp luật, xác định đúng nguồn gốc chủ sử dụng, kiểm đếm chính xác, chi trả đúng đối tượng và đúng quy định của Nhà nước. Đồng thời cần có những giải pháp, chính sách hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi như:

+ Khi thu hồi đất phải đảm bảo quỹ đất để phục vụ tái định cư, tạm cư cho người dân có đất bị thu hồi (khu tái định cư, tạm cư phải được xây dựng phù hợp với tập quán định cư; phải xây dựng nhiều mức nhà, mức đất để người dân có quyền lựa chọn).

+ Cần có giải pháp hỗ trợ nông dân tận dụng quỹ đất nông nghiệp còn lại chuyển sang phát triển nông nghiệp đạt hiệu quả cao, áp dụng tiến bộ khoa học tăng giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích. Quy hoạch khu vực sản xuất nông nghiệp tập trung, đẩy mạnh công tác dồn điền, đổi thửa.

+ Hướng dẫn, đào tạo cho nông dân chuyển đổi hình thức sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại, mang lại thu nhập cao từ nông nghiệp. Tăng cường đào tạo, hướng nghiệp, nhất là đào tạo nghề tại chỗ; đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp cho người nông dân mất đất sản xuất sang các ngành nghề phi nông nghiệp như: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn.

-Đối với những dự án có tính đặc thù riêng, đang vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác bồi thường (mà chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư không có hoặc chưa có quy định cụ thể) thì phải xin ý kiến Hội đồng thẩm định bồi thường cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh để tháo gỡ, nhằm giảm bớt việc khiếu nại, khiếu kiện của người dân, đồng thời đẩy nhanh tiến độ hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.

4.3.3 Các biện pháp, giải pháp tổ chức thực hiện

4.3.3.1. Giải pháp chung về tổ chức, quản lý

- Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá trực tiếp chỉ đạo các ban, ngành và Ủy ban nhân dân các phường xã trên địa bàn tổ chức công bố công khai và đồng thời chỉ đạo thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Thường xuyên kiểm tra tiến độ đầu tư dự án và thực hiện thu hồi, hủy bỏ các dự án chậm triển khai, không khả thi hoặc vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt; linh hoạt trong việc xúc tiến kêu gọi đầu tư tạo nguồn kinh phí để thực hiện.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt nhằm ngăn chặn kịp thời các vi phạm, đồng thời phát hiện và kiến nghị điều chỉnh những bất hợp lý trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhằm sử dụng đất đai hợp lý, có hiệu quả. Phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm, không thực hiện đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang quan tâm sớm bố trí vốn để các dự án sớm được thực hiện. Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi chặt chẽ, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, để các dự án sớm được triển khai thực hiện và đảm bảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Tiếp tục cải cách các thủ tục về giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất phải đơn giản hóa, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng sử dụng đất; tạo mọi điều kiện thuận lợi nhằm thu hút, mời gọi các nhà đầu tư có kinh nghiệm, năng lực về tài chính và đáp ứng đủ các điều kiện để thực hiện các dự án về hạ tầng kỹ thuật và phúc lợi xã hội theo phương thức xây dựng - chuyển giao, xã hội hóa như: xây dựng trường học, bệnh viện, đường giao thông, chỉnh trang phát triển đô thị,...

- Nâng cao vai trò trách nhiệm của chủ đầu tư trong quản lý thực hiện các công trình dự án; chủ động phối hợp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn; các chủ đầu tư cần phối hợp chặt chẽ với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện đo đạc, kiểm kê tài sản, cây cối, hoa màu trên đất,... đồng thời, phải ứng vốn kịp thời để chi trả các đối tượng bị thu hồi đất.

4.3.3.2. Trách nhiệm của UBND thành phố, các phòng, ban, địa phương trong tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

- Định kỳ hàng năm Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá có báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để phục vụ cho chương trình kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức triển khai, giám sát, điều chỉnh, bổ sung, xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm theo luật định. Công khai quy hoạch, kế hoạch và chỉ đạo các phường xã xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã.

- Các phường xã căn cứ vào kế hoạch của thành phố để triển khai kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn theo định hướng và các chỉ tiêu phân khai đã được xác định trong kế hoạch của thành phố.

- Các ngành bám sát phân bổ chỉ tiêu quy hoạch đất sử dụng của ngành mình để tổ chức thực hiện, khi có phát sinh nhu cầu mới phải xin chủ trương của UBND tỉnh, thành phố và phối hợp với Sở, phòng Tài nguyên và Môi trường lập thủ tục điều chỉnh theo quy định.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch và Chi cục Thuế theo dõi và tổ chức thực hiện các khoản thu từ đất theo quy định của pháp luật.

- Phòng Quản lý Đô thị triển khai các quy hoạch thuộc phạm vi mình phụ trách.

- Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng tổ chức xây dựng dự án khả thi và tiến hành xây dựng cơ sở hạ tầng các công trình, dự án theo tiến độ của phòng Kinh tế, phòng Quản lý Đô thị và phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội phối hợp với phòng Nội vụ và các phòng, ban có liên quan nghiên cứu tham mưu UBND thành phố ban hành các chương trình, chính sách để giải quyết việc làm cho các hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất.

- Phòng Kinh tế xây dựng các giải pháp cụ thể sử dụng quỹ đất nông nghiệp đạt hiệu quả cao, bền vững, xây dựng các công trình thủy lợi, tổ chức xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn và tôn tạo cảnh quan môi trường.

Giải pháp cụ thể đối với các dự án công trình đăng ký thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 mang tính khả thi:

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch đầu tư công năm 2023, 2024 và Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 15/4/2022 của UBND tỉnh; phối hợp với các ngành có liên quan quan tâm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình thu hồi đất...; Tập trung đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các dự án như: Chinh trang mở rộng đường Võ Trường Toản và các tuyến đường nội ô, cầu bắt qua kênh Rạch Giá – Hà Tiên (*cầu Giải phóng 9*), ngầm hóa hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố Rạch Giá, kè xử lý sạt lở cấp bách bờ Tây kênh Ông Hiễn (*từ đường Nguyễn Thái Học đến đường Lạc Hồng, phường Vĩnh Thanh Vân và phường Vĩnh Lạc*)...; phối hợp với các đơn vị chức năng tiếp tục tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với các thửa đất tại lô L2, L3 thuộc dự án Tuyến dân cư để biến đoạn qua thành phố Rạch Giá và Đấu giá Khu đất thu hồi của Công ty cổ phần thương mại Kiên Giang, Đấu giá 02 khu đất A-TMDV1 và A-TMDV2 ... Tăng cường huy động, tạo mọi điều kiện thuận lợi để kêu gọi thu hút đầu tư vào địa bàn.

Tiếp tục thực hiện công tác chỉnh trang đô thị và cải tạo môi trường khu vực xung quanh kênh Ông Hiễn. Ưu tiên bố trí thêm vốn nâng cấp đô thị hàng năm để thực hiện công tác chỉnh trang đô thị, cải tạo môi trường, sửa chữa nâng cấp các tuyến đường đã xuống cấp, phát triển hạ tầng giao thông đồng bộ giữa khu vực nội ô và khu vực ven thành phố Rạch Giá.

- Tập trung triển khai các biện pháp khai thác nguồn thu, nhất là công tác chống thất thu thuế trong lĩnh vực xây dựng, cho thuê mặt bằng và một số ngành nghề, lĩnh vực có rủi ro cao. Chỉ đạo tăng cường quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Tiếp tục thực hiện tốt Quy chế Quản lý Kiến trúc Quy hoạch đô thị và Sơ đồ phân bố khu vực phát triển đô thị; tập trung rà soát, triển khai thực hiện kế hoạch phủ kín quy hoạch chi tiết, quy hoạch phân khu trên địa bàn thành phố Rạch Giá đảm bảo đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển, gắn với tăng cường công tác quản lý và triển khai thực hiện quy hoạch; chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch thực hiện các tiêu chí đạt đô thị loại I, Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 23/7/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc triển khai thực hiện lập quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện và quy hoạch chung đô thị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025, Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 20/4/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc tổ chức lập các Đề án phân loại đô thị, Chương trình phát triển từng đô thị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025. Tiếp tục chỉ đạo các phường xây dựng phường văn minh đô thị.

- Tập trung chỉ đạo rà soát, sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trên địa bàn thành phố theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ. Phối

hợp với Tổ chức WWF-Việt Nam và các ngành có liên quan tiếp tục triển khai thực hiện tốt kế hoạch hành động về quản lý chất thải nhựa và rác thải nhựa đến năm 2025. Kịp thời giải quyết các đơn thư khiếu nại về đất đai, phản ánh về môi trường; thực hiện tốt công tác giải quyết thủ tục hành chính về lĩnh vực đất đai, xây dựng,...

- Đối với các dự án lấn biển UBND thành phố Rạch Giá yêu cầu các chủ đầu tư nhanh chóng triển khai các công tác san lấp mặt bằng cũng như xây dựng cơ sở hạ tầng theo đúng tiến độ.

- Đối với công trình, dự án thu hồi đất cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện, tập trung tháo gỡ vướng mắc trong công tác thu hồi, thực hiện tốt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các công trình trọng điểm trên địa bàn thành phố.

- Đối với công trình, dự án chuyển mục đích của các tổ chức đăng ký trong Kế hoạch sử dụng đất 2025, UBND thành phố chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường yêu cầu các chủ đầu tư thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng theo quy định của pháp luật.

- Đối với công trình, dự án đấu giá quyền sử dụng đất, cần tháo gỡ khó khăn vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ thực hiện nhằm tạo nguồn thu ngân sách của thành phố.

- Đối với công trình giao đất, Ủy ban nhân dân các phường xã cần phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường, chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai đơn đốc, hướng dẫn các tổ chức nhanh chóng hoàn thiện hồ sơ, bản vẽ, trích đo để làm căn cứ hoàn thành thủ tục giao đất.

- Đối với chỉ tiêu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố, phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai hướng dẫn, tạo điều kiện để người có nhu cầu thực hiện chuyển mục đích theo đúng Kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

4.4 Các giải pháp khác

4.4.1 Các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng

Nhằm giảm thiểu rủi ro trước những tác động của biến đổi khí hậu thông qua việc tăng cường khả năng chống chịu, năng lực thích ứng của cộng đồng, các thành phần kinh tế và hệ sinh thái; thúc đẩy việc lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu vào hệ thống chiến lược, quy hoạch (theo Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch Quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050). Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá đề xuất các giải pháp ứng phó như sau:

- Cập nhật, cụ thể hóa kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Lựa chọn các hạng mục, giải pháp ưu tiên phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương để lồng ghép triển khai thực hiện.

- Lồng ghép các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu vào các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của thành phố; rà soát cập nhật, điều chỉnh các quy hoạch ngành, địa phương đồng thời tích hợp vào quy hoạch tỉnh theo Luật Quy hoạch.

- Tích cực tuyên truyền nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ quản lý và cộng đồng để thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xâm nhập mặn, hậu quả của các hiện tượng thời tiết cực đoan đối với phát triển kinh tế - xã hội của thành phố; chủ động phòng, chống hạn chế tác động của triều cường, ngập lụt, sạt lở, xâm nhập mặn do nước biển dâng đối với vùng ven biển.

- Đề xuất nâng cấp, mở rộng các công trình đê kè, đập, khu neo đậu tránh trú bão; nghiên cứu giải pháp hình thành hệ thống chống ngập đồng bộ, hiệu quả. Huy động các nguồn lực xây dựng các công trình chống sạt lở ven sông, ven biển. Rà soát, hỗ trợ di dời dân ra khỏi vùng có nguy cơ cao sạt lở bờ sông, bờ biển và các nguy cơ thiên tai khác. Tiếp tục đầu tư phát triển thủy lợi, nâng cao khả năng tưới tiêu nước đồng bộ hiệu quả.

- Lồng ghép các yêu cầu về bảo vệ môi trường ngay từ khi lập, phê duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch. Đối với các dự án đầu tư mới yêu cầu phải thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường trình cấp thẩm quyền phê duyệt, triển khai thực hiện đầy đủ các thủ tục về bảo vệ môi trường (thủ tục về quản lý tài nguyên nước, chất thải nguy hại, ký quỹ bảo vệ môi trường...) thực hiện hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường trước khi vận hành chính thức.

- Xây dựng, cải tạo hệ thống tiêu thoát nước trong xóm, ấp, khu dân cư; xây dựng các điểm thu gom, xử lý rác thải ; quy hoạch chỉnh trang, cải tạo nghĩa trang; cải tạo, xây dựng các ao hồ sinh thái trong khu dân cư, phát triển cây xanh ở các công trình công cộng.

- Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, xử lý hoặc kiến nghị cấp thẩm quyền xử lý vi phạm đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường

- Theo dõi chặt chẽ thông tin dự báo khí tượng, thủy văn, xâm nhập mặn do các cơ quan chuyên ngành khí tượng, thủy văn và các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cung cấp; tổ chức đo đạc thường xuyên độ mặn tại các khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng xâm nhập mặn để kịp thời nắm bắt tình trạng xâm nhập mặn; hướng dẫn người dân thực hiện kế hoạch lấy, trữ nước ngọt phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Tăng cường thực hiện các giải pháp thủy lợi như nạo vét kênh rạch, đắp đập tạm, lắp đặt trạm bơm dã chiến tranh thủ vận hành công trình thủy lợi lấy nước, trữ nước để sử dụng khi xâm nhập mặn lên cao, nguồn nước ngọt bị hạn chế.

4.4.2 Giải pháp về khoa học công nghệ và kỹ thuật

- Bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ cho các đề tài nghiên cứu khoa học, ứng dụng đưa các tiên bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, từng bước chuyển giao cho người dân thông qua báo đài, các mô hình thí điểm, các chương trình khuyến nông, khuyến ngư, khuyến công,...

Xây dựng và cập nhật thường xuyên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đất đai; Đầu tư cơ sở vật chất, từng bước ứng dụng công nghệ tiên tiến trong việc lập và giám sát, tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; tăng cường công tác điều tra cơ bản để nâng cao chất lượng công tác dự báo việc quản lý, sử dụng đất.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Rạch Giá được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu các tài liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, tài nguyên đất đai của thành phố; tham khảo, tổng hợp quy hoạch của các ngành có trên địa bàn thành phố, đặc biệt là xác định các chỉ tiêu sử dụng đất tinh phân bổ trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng xã, phường.

Phương án kế hoạch sử dụng đất có ý nghĩa quan trọng trong việc xác lập sự ổn định về mặt pháp lý của đất đai phục vụ cho công tác quản lý Nhà nước về đất đai. Xác định nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch. Đây là căn cứ pháp lý để tiến hành giao đất, thu hồi đất theo luật định và là cơ sở để chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với điều kiện sản xuất thực tế của từng địa bàn.

2. Kiến nghị

Để đảm bảo thực hiện hoàn thành kế hoạch sử dụng đất năm 2025, Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá có một số kiến nghị như sau:

- Các chủ đầu tư dự án, các sở ngành có các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố cần phối hợp tích cực để sớm hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, giao đất, xây dựng công trình, dự án để sớm đưa vào sử dụng.

- Các thủ tục giao đất, cho thuê đất phải đơn giản hóa, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng sử dụng đất, thu hút đầu tư, khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế - xã hội theo nguyên tắc: tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ tài nguyên đất và môi trường sinh thái.

- Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục hỗ trợ về chuyên môn, nhân lực trong công tác bồi thường, thu hồi, chuyển mục đích, giao đất tại các dự án có quy mô lớn, phức tạp.

- Kính đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025, để thành phố Rạch Giá triển khai thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn; góp phần phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ công tác quản lý Nhà nước về đất đai theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị UBND tỉnh cần có các chính sách đầu tư, hỗ trợ thỏa đáng tạo điều kiện đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng để thành phố Rạch Giá phát huy tốt tiềm năng nội lực, tranh thủ nguồn đầu tư từ bên ngoài nhằm thực hiện tốt phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025 nói chung, sự chuyển dịch cơ cấu các loại đất nói riêng theo quan điểm sử dụng đất đầy đủ, tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra và ngày càng nâng cao đời sống nhân dân.